



THỎA THUẬN
“СОГЛАСОВАНО”
ЗГД по Геологии СП
«Вьетсовпетро»

PHÊ DUYỆT
“УТВЕРЖДАЮ”
Генеральный Директор СП “ВСП”

Нгуен Лам Ань

Бу Май Кхань

ЗГД по НГК и коммерции

Первый Зам.Ген.Директора СП ВСП”

Чан Куок Тханг

Сидоров Игорь Николаевич

HỒ SƠ MỜI THẦU

ДОКУМЕНТЫ ПРИГЛАШЕНИЯ НА ТЕНДРА

Gói thầu: Cập nhật tài nguyên, trữ lượng dầu và khí hòa tan mỏ Cá Tầm, Lô 09-3/12/ *Актуализация ресурсов и запасов нефти и растворенного газа месторождения*

Đơn hàng số: 92-DV-530/26-NIPI,

Zаявка No. 92-DV-530/26-NIPI,

Loại gói thầu: dịch vụ phi tư vấn

Вид тендерного пакета: Неконсалтинговые услуги

I. Danh mục hồ sơ mời thầu trình phê duyệt

Список тендерной документации для утверждения:

1. Mô tả tóm tắt

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Phần 4. CÁC PHỤ LỤC

II. Danh mục các tài liệu liên quan đính kèm

Список других документов

- 1. Đơn hàng / Заявка*
- 2. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu / План тендера*

Виза рабочей группы:

Руководитель рабочей группы

Нгуен Тхи Тхань Хуен

Зам. руководителя рабочей группы

Бу Ван Кхыонг

Члены рабочей группы:

Viện NCKH&TK

Nguyễn Trọng Biển

Bùi Nữ Diễm Loan

Nguyễn Quỳnh Huy

Vũ Nam Hải

Đoàn Trường Anh

Nguyễn Minh Tuấn

Phòng ĐC KTM BMDH

Phạm Việt Âu

От БО СП

Trần Thị Thùy Duyên

От КО СП

Trịnh Thanh Lâm



HỒ SƠ MỜI THẦU

Số hiệu gói thầu và số E-TBMT (trên Hệ thống):

92-DV-530/26-NIPI,

Tên gói thầu (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Cập nhật tài nguyên, trữ lượng dầu và khí hòa tan mỏ Cá Tầm, Lô 09-3/12

Dự án (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Kế hoạch mua sắm vật tư thiết bị, thuê dịch tổng thể năm 2026, Lô 09- 3/12

Phát hành ngày (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Ban hành kèm theo Quyết định (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):



MỤC LỤC

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Phần 4. CÁC PHỤ LỤC



MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSDT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSDT, mở thầu, đánh giá E-HSDT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ phi tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ phi tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSDT, cụ thể:

- Mục 1 (Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT) được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 2 (Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm) được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 3 (Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật), Mục 4 (Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính) và Mục 5 (Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)) là tệp tin PDF do Chủ đầu tư chuẩn bị và đăng tải trên Hệ thống.

Căn cứ các thông tin do Chủ đầu tư nhập, Hệ thống sẽ tự động tạo ra các biểu mẫu dự thầu có liên quan tương ứng với tiêu chuẩn đánh giá.

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSMT và E-HSDT.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ phi tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương này bao gồm các yêu cầu về kỹ thuật của dịch vụ phi tư vấn được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/CAD do Chủ đầu tư chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Phần này bao gồm các điều khoản, điều kiện, dữ liệu và các biểu mẫu cấu thành bộ hợp đồng hoàn chỉnh.

Phần này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ phi tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

PHẦN 4. CÁC PHỤ LỤC

- Danh mục/Phạm vi cung cấp.
- Yêu cầu kỹ thuật (kèm theo Hồ sơ Thiết kế, bản vẽ,....(nếu có)).
- Tiêu chí đánh giá kỹ thuật/ Bảng điểm đánh giá kỹ thuật.
- Các tài liệu kỹ thuật khác, đường dẫn (link) để tham chiếu (nếu có).



Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU
Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	<p>1.1. Chủ đầu tư quy định tại E-BDL phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ phi tư vấn theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm được quy định tại E-BDL.</p>
2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng	<p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSMT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống.</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p> <p>2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).</p>
3. Nguồn vốn	<p>Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn) để sử dụng cho gói thầu được quy định tại E-BDL.</p>
4. Hành vi bị cấm	<p>4.1 Đưa, nhận, môi giới hối lộ;</p> <p>4.2 Lợi dụng chức vụ quyền hạn để can thiệp bất hợp pháp vào công tác lựa chọn nhà thầu;</p> <p>4.3 Thông thầu, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị Hồ sơ dự thầu hoặc rút Hồ sơ dự thầu để một bên trúng thầu;</p> <p>b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký Hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;</p> <p>c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của Hồ sơ mời thầu nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được Bên mời thầu yêu cầu làm rõ Hồ sơ dự thầu hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.</p> <p>4.4 Gian lận, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu;</p> <p>b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong Hồ sơ dự thầu nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>4.5 Cản trở, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa, hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng đối với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;</p> <p>b) Cản trở Người có thẩm quyền, chủ đầu tư, Bên mời thầu, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;</p>

- d) Cố tình khiêu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;
- đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.
- 4.6 Không bảo đảm công bằng, minh bạch, bao gồm các hành vi sau đây:
- a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Bên mời thầu, chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của Bên mời thầu, chủ đầu tư không đúng quy định của Mục 5-CDNT;
- b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định Hồ sơ mời thầu đối với cùng một gói thầu, dự án;
- c) Tham gia đánh giá Hồ sơ dự thầu đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu, dự án;
- d) Cá nhân thuộc Bên mời thầu, chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia Tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là Người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư, Bên mời thầu đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu;
- đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu mua sắm hàng hóa, phi tư vấn do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế kỹ thuật tổng thể (thiết kế FEED); lập, thẩm định Hồ sơ mời thầu; đánh giá Hồ sơ dự thầu; kiểm định hàng hóa; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện Hợp đồng;
- e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do chủ đầu tư, Bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;
- f) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát;
- 4.7 Tiết lộ những tài liệu, thông tin sau đây về quá trình lựa chọn nhà thầu:
- a) Nội dung Hồ sơ mời thầu trước thời điểm phát hành theo quy định;
- b) Nội dung Hồ sơ dự thầu, sổ tay ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng Hồ sơ dự thầu trước khi công khai danh sách ngắn, kết quả lựa chọn nhà thầu;
- c) Nội dung yêu cầu làm rõ Hồ sơ dự thầu của Bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá Hồ sơ dự thầu trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;
- d) Báo cáo của Bên mời thầu, báo cáo của Tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;
- đ) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;
- e) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được đóng dấu

	<p>mật theo quy định của Quy chế số VSP-000-TM-238.</p> <p>4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:</p> <p>Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu có giá trị từ 10% trở lên hoặc dưới 10% nhưng trên 02 triệu USD (sau khi trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu phụ đã được kê khai trong Hợp đồng) tính trên giá Hợp đồng đã ký kết (theo quy chế 238).</p>
<p>5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu</p>	<p>5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp;</p> <p>b) Hạch toán tài chính độc lập;</p> <p>c) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;</p> <p>d) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại E-BDL.</p> <p>đ) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>e) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu và Vietsovetro;</p> <p>f) Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.</p> <p>5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>c) Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c, d và điểm e Mục 5.1 E-CDNT.</p> <p>5.3 Nhà thầu là cá nhân có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây</p> <p>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước mà cá nhân đó là công dân;</p> <p>b) Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Đăng ký hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật;</p> <p>d) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>e) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu.</p>
<p>6. Nội dung của E-HSMT</p>	<p>6.1. E-HSMT bao gồm E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Chi dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu;



	<p>- Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT; - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu.</p> <p>Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật:</p> <p>- Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật.</p> <p>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:</p> <p>Phần này bao gồm các điều khoản, điều kiện, dữ liệu và các biểu mẫu cấu thành bộ hợp đồng hoàn chỉnh.</p> <p>Phần 4. Các phụ lục</p> <p>6.2. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT và các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.</p>
<p>7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT</p>	<p>7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì bên mời thầu đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (webform và file đính kèm) theo hình thức được quy định tại BDL. Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu theo quy định tại BDL trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh E-HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu thông qua Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu theo quy định tại BDL trước ngày có thời điểm đóng thầu để Bên mời thầu xem xét, xử lý. Bên mời thầu tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu theo quy định tại BDL trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT.</p> <p>7.3. Bên mời thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị của nhà thầu.</p> <p>7.4. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSDT.</p> <p>7.5. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại E-BDL. Bên mời thầu đăng tải giấy mời tham dự hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải được ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu.</p> <p>7.6. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị</p>



	<p>tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi E-HSMT.</p> <p>7.7. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>7.8 Song song với việc làm rõ/ trả lời làm rõ trên Hệ thống, Bên mời thầu/Nhà thầu có thể gửi văn bản bằng đường văn thư/ fax/ email trực tiếp để biết thông tin và chuẩn bị kịp thời hồ sơ tài liệu liên quan.</p>
8. Chi phí dự thầu	E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Bên mời thầu đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSDT theo quy định tại E-BDL . Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.
9. Ngôn ngữ của E-HSDT	E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).
10. Thành phần của E-HSDT	<p>E-HSDT phải bao gồm các thành phần sau:</p> <p>10.1. Đơn dự thầu được Hệ thống trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT</p> <p>10.2. Thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với nhà thầu liên danh);</p> <p>10.3. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 E-CDNT;</p> <p>10.4. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của nhà thầu theo quy định tại mục 5 E-CDNT;</p> <p>10.5. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký HSDT phù hợp theo quy định tại mục 5 E-CDNT.</p> <p>10.6. Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo Mục 16 E-CDNT;</p> <p>10.7. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 15 E-CDNT;</p> <p>10.8. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT theo quy định tại Mục 12 E-CDNT (nếu có);</p> <p>10.9. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 13 E-CDNT;</p> <p>10.10. Chi tiết E-CDNT từ 10.1-10.9 và các nội dung khác được quy định tại E-BDL.</p>
11. Đơn dự thầu và các bảng biểu	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu được Hệ thống trích xuất và các bảng biểu để hoàn thành E-HSDT.

<p>12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT</p>	<p>12.1. Trường hợp E-HSMT quy định tại E-BDL về việc nhà thầu có thể đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay thế đó mới được xem xét.</p> <p>12.2. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và nhà thầu được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để Bên mời thầu có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ, tiến độ thực hiện, chi phí... và các thông tin liên quan khác. Việc đánh giá phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III.</p>
<p>13. Giá dự thầu và giảm giá</p>	<p>13.1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu (chưa tính giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Nhà thầu sẽ điền giá dự thầu vào đơn dự thầu trên webform của hệ thống.</p> <p>13.2. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh, giá trị giảm giá được tính trên giá dự thầu không bao gồm dự phòng.</p> <p>13.3. Các hạng mục phải được chào giá riêng trong các bảng giá dự thầu. Trường hợp tại cột “đơn giá” nhà thầu ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của hạng mục công việc này vào hạng mục công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các hạng mục công việc theo yêu cầu của E-HSMT bảo đảm chất lượng, tiến độ.</p> <p>13.4. Nhà thầu phải nộp E-HSDT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong E-HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong cột “Danh mục dịch vụ” theo Mẫu số 11 Chương IV.</p> <p>13.5. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.</p> <p>13.6. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT. Trường hợp nhà thầu có đơn giá thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ về tính khả thi của đơn giá thấp khác thường đó.</p>
<p>14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán</p>	<p>Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.</p>
<p>15. Tài liệu chứng minh sự đáp ứng về kỹ thuật</p>	<p>15.1. Để chứng minh sự đáp ứng của dịch vụ so với yêu cầu của E-HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của E-HSDT (đính kèm file lên Hệ thống) để chứng minh rằng các dịch vụ mà mình cung cấp phù hợp với các yêu cầu và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Chương V.</p> <p>15.2. Các tiêu chuẩn về cung cấp dịch vụ chỉ mang tính mô tả mà không</p>



	<p>nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ khác với điều kiện chứng minh được với Chủ đầu tư rằng những tiêu chuẩn thay thế này tương đương hoặc cao hơn so với những tiêu chuẩn quy định tại Chương V.</p>
<p>16. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu</p>	<p>16.1. Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Mục 2 Chương III. Trường hợp nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu, nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT và để Chủ đầu tư lưu trữ.</p> <p>16.2. Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSDT và khi tham dự sơ tuyển thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.</p>
<p>17. Thời hạn có hiệu lực của E-HSDT</p>	<p>17.1. E-HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn nêu tại E-BDL.</p> <p>17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSDT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực E-HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSDT thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp. Trong trường hợp này, nhà thầu không phải nộp bản gốc thư bảo lãnh cho Bên mời thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.</p>
<p>18. Bảo đảm dự thầu</p>	<p>18.1. Khi tham dự thầu qua mạng, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một hoặc các hình thức thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro. Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy hoặc Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro nhà thầu quét (scan) thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh hoặc Thư bảo lãnh (<i>áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro</i>) và đính kèm khi nộp E-HSDT phát hành. Trường hợp E-HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 17.2 E-CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu.</p> <p>Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:</p> <p>a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì E-HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả</p>

giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả;

b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

18.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định cụ thể tại **E-BDL**.

18.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký hợp lệ ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A hoặc Mẫu số 04B hoặc Mẫu số 04C Chương IV). Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp áp dụng Thư bảo lãnh (*Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro*) phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.

18.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu theo thời hạn quy định **E-BDL**. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực.

18.5. Các trường hợp phải nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) cho Bên mời thầu:

a) Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng và đối chiếu tài liệu;

b) Nhà thầu vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây:

- Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu;

- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Mục 4 E-CDNT hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ Mục 33 E-CDNT;

	<p>- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 38 E-CDNT;</p> <p>- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng và đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng và đối chiếu tài liệu hoặc đã thương thảo hợp đồng và đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản thương thảo hợp đồng và đối chiếu tài liệu, hoặc đưa ra những điều kiện khác với các nội dung trong E-HSDT hoặc rút lại các cam kết trong E-HSDT dẫn đến thương thảo Hợp đồng không thành công trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện Hợp đồng trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu hoặc từ chối ký kết Hợp đồng trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày đã hoàn thiện Hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.</p> <p>18.6. Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của bên mời thầu, nếu nhà thầu từ chối hoặc không nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) theo yêu cầu của Bên mời thầu thì nhà thầu sẽ bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu.</p>
<p>19. Thời điểm đóng thầu</p>	<p>19.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT.</p> <p>19.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
<p>20. Nộp, rút và sửa đổi E-HSDT</p>	<p>20.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.</p> <p>20.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi.</p> <p>20.3. Rút E-HSDT: nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu và Hệ thống sẽ thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>20.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống đều được mở thầu để đánh giá.</p>
<p>21. Mở thầu</p>	<p>21.1. Bên mời thầu phải tiến hành mở thầu và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSDT, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc</p>



	<p>lựa chọn nhà thầu qua mạng.</p> <p>21.2. Biên bản mở thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; - Tổng số nhà thầu tham dự. <p>b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Giá trị và hiệu lực bảo đảm dự thầu; - Thời gian có hiệu lực của E-HSĐT; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Các thông tin liên quan khác (nếu có).
<p>22. Bảo mật</p>	<p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSĐT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSĐT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSĐT (nếu cần thiết) và thương thảo hợp đồng, đối chiếu tài liệu, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến E-HSĐT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
<p>23. Làm rõ E-HSĐT</p>	<p>23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSĐT theo yêu cầu của Bên mời thầu, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong E-HSĐT của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSĐT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSĐT giữa nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.</p> <p>23.3. Việc làm rõ E-HSĐT chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có E-HSĐT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực</p>



	<p>hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá E-HSDT của nhà thầu theo E-HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSDT.</p> <p>23.4. Trường hợp sau khi đóng thầu, nhà thầu phát hiện hồ sơ dự thầu thiếu các tài liệu chứng minh về tư cách hợp lệ, hợp đồng tương tự, năng lực sản xuất, báo cáo tài chính, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự, thiết bị cụ thể đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu thì được gửi tài liệu đến bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình trong một khoảng thời gian quy định tại BDL. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu bổ sung, làm rõ là một phần của hồ sơ dự thầu.</p> <p>23.5. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT.</p> <p>23.6. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư, Bên mời thầu được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p> <p>23.7. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, cung cấp vật liệu chính, bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng mà E-HSDT không đính kèm các tài liệu này thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSDT.</p>
<p>24. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung</p>	<p>Các định nghĩa sau đây sẽ được áp dụng cho quá trình đánh giá E-HSDT:</p> <p>24.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong E-HSMT;</p> <p>24.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong E-HSMT;</p> <p>24.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong E-HSMT.</p>
<p>25. Xác định tính đáp ứng của E-HSDT</p>	<p>25.1. Bên mời thầu sẽ xác định tính đáp ứng của E-HSDT dựa trên nội dung của E-HSDT theo quy định tại Mục 10 E-CDNT.</p> <p>25.2. E-HSDT đáp ứng cơ bản là E-HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong E-HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong E-HSDT mà:</p> <p>a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay hiệu quả sử dụng của dịch vụ được quy định trong hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với E-HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT .</p> <p>25.3. Bên mời thầu phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của E-HSDT theo quy định tại Mục 15 E-CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu</p>



	<p>cầu nêu trong Phần 2 – Yêu cầu về kỹ thuật đã được đáp ứng và E-HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản.</p> <p>25.4. Nếu E-HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong E-HSMT thì E-HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT nhằm làm cho E-HSDT đó đáp ứng cơ bản E-HSMT.</p>
<p>26. Sai sót không nghiêm trọng</p>	<p>26.1. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT thì bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT.</p> <p>26.2. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong E-HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá dự thầu. E-HSDT của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của bên mời thầu.</p> <p>26.3. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, bên mời thầu, tổ chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các E-HSDT.</p>
<p>27. Nhà thầu phụ</p>	<p>27.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng với nhà thầu để thực hiện một phần công việc trong bảng giá dự thầu; không bao gồm tổ chức, cá nhân cung cấp, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, cấu kiện bán thành phẩm, thiết bị, cho thuê thiết bị thi công. Việc nhà thầu thuê nhân công để thực hiện gói thầu không phải là sử dụng nhà thầu phụ. Nhà thầu phải kê khai Nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho Nhà thầu phụ theo Mẫu số 09A Chương IV. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được Nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho Nhà thầu phụ.</p> <p>27.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại E-BDL.</p> <p>27.3. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).</p> <p>27.4. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc gói thầu.</p> <p>27.5. Nhà thầu chính không được sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT; việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã nêu trong E-HSDT chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp</p>



	<p>lý và được Chủ đầu tư chấp thuận; trường hợp sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ có giá trị từ 10% trở lên (sau khi trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu phụ) tính trên giá hợp đồng đã ký kết thì được coi là hành vi “chuyển nhượng thầu”.</p>
<p>28. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu - Không áp dụng.</p>	<p>28.1. Đối tượng được hưởng ưu đãi: Nhà thầu có sử dụng số lượng lao động nữ từ 25% trở lên; số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật từ 25% trở lên; số lượng lao động là người dân tộc thiểu số từ 25% trở lên và các nội dung ưu đãi khác theo quy định tại E-BDL.</p> <p>28.2. Cách tính ưu đãi: Xếp hạng cao hơn cho nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong trường hợp nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi và nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi được đánh giá ngang nhau.</p> <p>28.3. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi thì phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSDT.</p>
<p>29. Đánh giá E-HSDT</p>	<p>29.1. Bên mời thầu áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại E-BDL để đánh giá E-HSDT.</p> <p>29.2. Căn cứ vào E-HSDT của các nhà thầu đã nộp trên Hệ thống và phương pháp đánh giá E-HSDT tại Mục 29.1 E-CDNT, Bên mời thầu chọn 01 trong 02 quy trình đánh giá E-HSDT dưới đây cho phù hợp để đánh giá E-HSDT. Bên mời thầu đánh giá trực tiếp trên cơ sở E-HSDT nhà thầu đã nộp.</p> <p>29.3. Quy trình 1 (áp dụng đối với phương pháp “Giá đánh giá” và “Giá thấp nhất”):</p> <p>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bên mời thầu căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trên tài liệu đính kèm để đánh giá: tư cách hợp lệ trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong E-HSDT. Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu. - Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của bảo đảm dự thầu, thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh). - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực, kinh nghiệm. <p>b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bên mời thầu căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trên tài liệu đính kèm để đánh giá: Lịch sử hoàn thành hợp đồng, thực hiện nghĩa vụ thuế, doanh thu bình quân hàng năm trên cơ sở thông tin kê khai trong E-HSDT. - Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trên tài liệu đính kèm để đánh giá; - Đối với các nội dung về nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có), tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai của nhà thầu. - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực, kinh nghiệm



thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật.

c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương III. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính.

d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III.

đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, Bên mời thầu lập danh sách xếp hạng nhà thầu. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL. Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải xếp hạng nhà thầu.

e) Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 30 E-CDNT. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu và thương thảo hợp đồng.

29.4. Quy trình 2 (chỉ áp dụng đối với phương pháp “giá thấp nhất” và các nhà thầu, E-HSMT đều không có bất kỳ ưu đãi nào):

a) Bước 1: Xếp hạng nhà thầu căn cứ vào giá dự thầu, nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất được xếp hạng thứ nhất. Bên mời thầu tiến hành đánh giá E-HSMT của nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất căn cứ vào biên bản mở thầu trên Hệ thống. Trường hợp có nhiều nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất bằng nhau thì tiến hành đánh giá tất cả các nhà thầu này.

b) Bước 2: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại điểm a Mục 29.3 E-CDNT.

c) Bước 3: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại điểm b Mục 29.3 E-CDNT.

d) Bước 4: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại điểm c Mục 29.3 E-CDNT.

đ) Bước 5: Nhà thầu đáp ứng về mặt kỹ thuật sẽ được mời vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng.

Trường hợp E-HSMT của nhà thầu xếp hạng thứ nhất không đáp ứng thì thực hiện các bước đánh giá nêu trên đối với nhà thầu xếp hạng tiếp theo.

29. 5. Nguyên tắc đánh giá E-HSMT:

a) Bên mời thầu đánh giá trực tiếp trên cơ sở E-HSMT nhà thầu đã nộp. Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong E-HSMT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSMT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận;

b) Trường hợp nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có) mà nhà thầu đề xuất trong E-HSMT không đáp ứng yêu cầu, Bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự, thiết bị trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự, thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự, thiết bị không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự, thiết bị khác, E-HSMT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại Mục 4 E-CDNT và bị xử lý theo quy định;

c) Đối với các nội dung ngoài các nội dung nêu tại các điểm a và b Mục

	<p>này, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên webform và file đính kèm thì thông tin theo file đính kèm là cơ sở để xem xét, đánh giá;</p> <p>d) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu, chứng minh các thông tin mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT.</p>
<p>30. Đối chiếu tài liệu</p>	<p>30.1. Nhà thầu xếp thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu. Nhà thầu phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho bên mời thầu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT, bao gồm:</p> <p>a) Bản gốc bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp sử dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) hoặc tiền mặt theo quy định tại Mục 18.7 E-CDNT;</p> <p>b) Các tài liệu chứng minh về hợp đồng tương tự mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT (hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, thông tin về hóa đơn theo quy định của pháp luật...);</p> <p>c) Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự, thiết bị, bằng cấp, chứng chỉ của nhân sự mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT;</p> <p>d) Tài liệu khác (nếu có).</p> <p>30.2. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được xét duyệt trúng thầu. Đối với số liệu về thuế, doanh thu từ năm 2021 trở đi do nhà thầu tự cập nhật không phù hợp với số liệu trên Hệ thống thuế điện tử dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu bị loại và bị coi là có hành vi gian lận quy định tại điểm b Mục 4.4 E-CDNT.</p>
<p>31. Thương thảo hợp đồng</p>	<p>31.1. Việc thương thảo hợp đồng thực hiện theo quy định tại E-BDL;</p> <p>31.2. Trường hợp áp dụng thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây:</p> <p>a) Báo cáo đánh giá E-HSDT;</p> <p>b) E-HSDT và các tài liệu làm rõ E-HSDT (nếu có) của nhà thầu;</p> <p>c) E-HSMT bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể của hợp đồng và các tài liệu làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có).</p> <p>31.3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng:</p> <p>a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung mà nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu của E-HSMT;</p> <p>b) Việc thương thảo hợp đồng không được làm thay đổi đơn giá dự thầu của nhà thầu;</p> <p>31.4. Nội dung thương thảo hợp đồng:</p> <p>a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, chưa thống nhất giữa E-HSMT và E-HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong E-HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;</p> <p>b) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;</p>



	<p>c) Thương thảo về các sai sót không nghiêm trọng quy định tại Mục 29 E-CDNT;</p> <p>d) Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT hoặc nhân sự đã được thay thế trước khi thương thảo hợp đồng), trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với quy định hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.</p> <p>đ) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.</p> <p>31.5. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; E-ĐKCT của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có).</p> <p>31.6. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; E-ĐKCT của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi cung cấp, bảng giá, tiến độ thực hiện.</p> <p>31.7. Trường hợp thương thảo không thành công, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 33.1 E-CDNT.</p> <p>31.8. Trường hợp vì lý do khách quan, bất khả kháng dẫn đến nhà thầu không thể thương thảo hợp đồng trực tiếp với bên mời thầu, bên mời thầu có thể xem xét, thương thảo qua mạng.</p>
<p>32. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</p>	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>32.1. Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III;</p> <p>32.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;</p> <p>32.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III;</p> <p>32.4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu;</p> <p>32.5. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại E-BDL;</p> <p>32.6. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.</p>
<p>33. Hủy thầu</p>	<p>33.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <p>a) Tất cả E-HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT;</p> <p>b) Thay đổi mục tiêu, phạm vi mua sắm làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chí đánh giá đã ghi trong E-HSMT theo quyết định của Chủ đầu tư.</p>



	<p>tu.</p> <p>c) E-HSMT không tuân thủ các quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</p> <p>d) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại mục 4 Hành vi bị cấm – Chương I Chỉ dẫn nhà thầu;;</p> <p>đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại mục 4 Hành vi bị cấm – Chương I Chỉ dẫn nhà thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>33.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, d và đ Mục 33.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>33.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục 33.1 E-CDNT, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Chủ đầu tư, Bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải toả bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm d và điểm đ Mục 33.1 E-CDNT.</p>
<p>34. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</p>	<p>34.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSMT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời gian thực hiện gói thầu; <p>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mã số thuế; - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Điểm kỹ thuật (nếu có); - Giá đánh giá (nếu có); - Giá trúng thầu; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Thời gian thực hiện hợp đồng. <p>c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p> <p>34.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 33.1 E-CDNT,</p>



	trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.
35. Thay đổi khối lượng dịch vụ	<p>35.1. Vào thời điểm trao hợp đồng, Bên mời thầu có quyền tăng hoặc giảm khối lượng dịch vụ nêu trong Chương IV với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của E-HSDT và E-HSMT. Tỷ lệ tăng, giảm khối lượng không vượt quá 10%.</p> <p>35.2. Tùy chọn mua thêm:</p> <p>Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, Chủ đầu tư có quyền mua bổ sung khối lượng dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 39 Luật Đấu thầu.</p>
36. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng	Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo mẫu quy định tại Phần 3 cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSDT và thông báo trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 E-CDNT. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT được tính kể từ ngày Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.
37. Điều kiện ký kết hợp đồng	<p>37.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p> <p>37.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của E-HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong E-HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng.</p> <p>37.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.</p>
38. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	<p>38.1. Trước khi ký kết hợp đồng hoặc trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Phần 3. Trường hợp áp dụng bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu tại Phần 3 hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>38.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;</p>

	<p>b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;</p> <p>c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.</p>
39. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu	<p>39.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Bên mời thầu.</p> <p>39.2. Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại E-BDL.</p>
40. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu	<p>Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định tại E-BDL.</p>



Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

E-CDNT 1.1	Tên Chủ đầu tư: Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro
E-CDNT 1.2	Tên gói thầu: Cập nhật tài nguyên, trữ lượng dầu và khí hòa tan mỏ Cá Tầm, Lô 09-3/12 Tên dự án/dự toán mua sắm là: Kế hoạch mua sắm vật tư thiết bị, thuê dịch tổng thể năm 2026, Lô 09- 3/12
E-CDNT 3	Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn): <i>lô 09-1</i> .
E-CDNT 5.1 (c)	<p>Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro, trừ trường hợp nhà thầu là công ty thành viên, công ty con của tập đoàn, tổng công ty nhà nước có ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính phù hợp với tính chất gói thầu của tập đoàn, tổng công ty nhà nước đó.- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau:<ul style="list-style-type: none">+ Tư vấn lập, thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, thiết kế kỹ thuật tổng thể: không áp dụng;+ Tư vấn thẩm định giá: không áp dụng;+ Tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định: không áp dụng;+ Tư vấn lập, thẩm định HSMT: không áp dụng;+ Tư vấn đánh giá HSDT: không áp dụng;+ Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: không áp dụng;+ Tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu: không áp dụng; <p>Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với nhà thầu tư vấn (đã nêu trên)*.</p> <ul style="list-style-type: none">- Đơn vị sự nghiệp công lập và chủ đầu tư, bên mời thầu có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với chủ đầu tư, bên mời thầu.- Đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với chủ đầu tư, bên mời thầu. <p>Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương.</p> <p>Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:</p>

	$\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$ <p>Trong đó:</p> <p>X_i: Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i;</p> <p>Y_i: Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh;</p> <p>n: Số thành viên tham gia trong liên danh.</p> <p>*Chỉ đánh giá nội dung này đối với nhà thầu là đơn vị sự nghiệp</p>
E-CDNT 7.1	Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu: 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 7.2	<p>Nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ E-HSMT đến Bên mời thầu trong khoảng thời gian tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.</p> <p>Bên mời thầu thực hiện làm rõ E-HSMT trên Hệ thống nhưng không muộn hơn 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.</p>
E-CDNT 7.5	Hội nghị tiền đấu thầu: không
E-CDNT 8	Chi phí nộp E-HSDT: theo quy định hiện hành của Hệ thống
E-CDNT 10	<p>Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn dự thầu (trích xuất từ hệ thống mạng đấu thầu). - Bảo đảm dự thầu: Thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc Giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh hoặc Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro (chi tiết tại Mục 18 E-CDNT). - Toàn bộ hồ sơ pháp lý: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp (<i>yêu cầu bản sao được chứng thực hợp lệ của văn phòng công chứng hợp pháp tại Việt Nam</i>); - Thỏa thuận liên danh theo mẫu (nếu có); - Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu theo quy định; Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự thầu theo quy định (<i>bao gồm tất cả các thành viên liên danh nếu có</i>); Cơ cấu tổ chức của nhà thầu ... - Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định: các Báo cáo tài chính năm gần nhất, Hợp đồng tương tự và các Biên bản nghiệm thu hoàn thành, Bảng xác nhận khối lượng hoàn thành, Biên bản thanh quyết toán hợp đồng, Hóa đơn GTGT ... - Toàn bộ phần Hồ sơ đề xuất kỹ thuật: Cơ cấu tổ chức và kinh nghiệm của nhà thầu; Danh sách chuyên gia, Lý lịch chuyên gia, tất cả các bằng cấp chứng chỉ cần thiết có liên quan, Giải pháp và phương pháp luận tổng quát, Kế hoạch thực hiện chi tiết, Tiến độ thực hiện công việc ... Catalog hàng hóa, dịch vụ ...

	<ul style="list-style-type: none"> - Toàn bộ phần Giá dự thầu bao gồm: bảng tổng hợp và các bảng chi tiết chào giá theo mẫu quy định. - Các tài liệu có liên quan khác (nếu có) ... để cấu thành 01 E-HSDT hoàn chỉnh. <p>Tất cả các tài liệu nộp kèm nêu trên phải được Nhà thầu scan theo định dạng “.pdf”, upload và nộp cùng E-HSDT tại phần đính kèm trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.</p>
E-CDNT 12.1	Nhà thầu không được phép nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế.
E-CDNT 17.1	Thời hạn hiệu lực của E-HSDT là: ≥ 90 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 18.1	Thể thức bảo lãnh dự thầu: Bằng văn bản giấy.
E-CDNT 18.2	<p>Nội dung bảo đảm dự thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị bảo đảm dự thầu: 77.000.000 đồng - Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: bằng hiệu lực của E-HSDT cộng thêm 30 ngày lịch - Số tài khoản của Vietsovpetro trong trường hợp thực hiện bảo đảm dự thầu theo hình thức đặt cọc/chuyển khoản: 008.100.000001.1 <p>Tên người thụ hưởng: Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro. Tại Ngân hàng Vietcombank, chi nhánh Vũng Tàu.</p>
E-CDNT 18.4	Thời gian hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn: 14 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt.
E-CDNT 23.4	Nhà thầu được tự gửi tài liệu đến bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình trong vòng 02 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu
E-CDNT 27.2	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 0% giá dự thầu của nhà thầu
E-CDNT 28.1	Các nội dung ưu đãi khác (nếu có): Không áp dụng.
E-CDNT 29.1	<p>Phương pháp đánh giá E-HSDT là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá tính hợp lệ: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về kỹ thuật: chấm điểm - Đánh giá về tài chính: phương pháp giá thấp nhất
E-CDNT 29.3 (đ)	<p>Xếp hạng nhà thầu:</p> <p>Nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất</p>

E-CDNT 31.1	Thương thảo hợp đồng: áp dụng
E-CDNT 32.5	Nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất
E-CDNT 35.1	Tỷ lệ tăng khối lượng tối đa là: 0%; Tỷ lệ giảm khối lượng tối đa là: 0%;
E-CDNT 35.2	- Tùy chọn mua thêm: không áp dụng - Tỷ lệ tùy chọn mua thêm tối đa là: 0%
E-CDNT 39.2	- Người có thẩm quyền: Ông Vũ Mai Khanh – Tổng giám đốc Vietsovpetro + Địa chỉ: 105 Lê Lợi, Phường Vũng Tàu, TP.HCM + SĐT: 0254.3839871 - Bộ phận thường trực giúp việc Chủ tịch Hội đồng tư vấn: Không áp dụng
E-CDNT 40	Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát: tự giám sát

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu (đã mặc định trong đơn dự thầu xuất từ hệ thống) phải phù hợp với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

2. Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh) đối với cùng một gói thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì nhà thầu không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT với tư cách là nhà thầu chính đối với phần mà nhà thầu tham dự thầu.

3. Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT hoặc Thư bảo lãnh (*áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro*) phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.

Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh hoặc Thư bảo lãnh (*áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro*) không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 4A, Mẫu số 4B, Mẫu số 4C Chương IV). Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu.

4. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) (Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký thỏa thuận liên danh thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền) và phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

5. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo Bảng số 01 Chương này và được scan đính kèm trên Hệ thống. Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Không đưa ra yêu cầu nhà thầu đã từng thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng với Chủ đầu tư trên một địa bàn cụ thể hoặc nhà thầu phải có kinh nghiệm cung cấp dịch vụ trên một địa bàn cụ thể như là tiêu chí để loại bỏ nhà thầu.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập E-HSDT, nhà thầu phải quy đổi về VND nêu tại E-HSMT để làm cơ sở đánh giá E-HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá bán quy đổi của Vietcombank tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con theo Mẫu số 09B Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con đảm nhiệm trong gói thầu.



BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	Thực hiện nghĩa vụ thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết cùng với đơn dự thầu
3	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 7.000.000.000 VND. - Tài sản ròng: không yêu cầu	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08
4	Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự	Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến thời điểm đóng thầu Trong đó: Hợp đồng tương tự là: - Có tính chất tương tự: cung cấp dịch vụ đánh giá, lập báo cáo phân tích trong ngành công nghiệp Dầu khí hoặc các ngành công nghiệp khác. - Có quy mô (giá trị) tối thiểu: 2.310.000.000 VND. - Đã thực hiện xong Đến 80% giá trị hợp đồng. Để chứng minh HĐTT đã hoàn thành theo tỷ lệ được quy định, nhà thầu phải cung cấp được Biên bản nghiệm thu và hóa đơn.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phân công việc đảm nhận)	Mẫu số 05

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt và thiết bị chủ yếu:

a) Yêu cầu về nhân sự chủ chốt: theo YKCT gói thầu này.

Không yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn không đòi hỏi nhân sự có chuyên môn cao, trừ trường hợp cần lao động có trình độ cao, lao động lành nghề thực hiện công việc đặc thù. Trường hợp dịch vụ phi tư vấn có yếu tố đặc thù, phức tạp cần thiết phải có nhân sự có trình độ cao, lao động lành nghề, nhiều kinh nghiệm đảm nhận thì có thể đưa ra yêu cầu về huy động nhân sự chủ chốt để thực hiện các công việc đặc thù, phức tạp này. Ngoài ra, không yêu cầu nhân sự chủ chốt là lao động phổ thông đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn.

Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt đáp ứng yêu cầu E-HSMT. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định.

Yêu cầu về nhân sự chủ chốt được Chủ đầu tư đính kèm file scan theo E-HSMT lên hệ thống. Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt (File scan đính kèm trên Hệ thống) theo YKCT gói thầu này

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/trình độ chuyên môn ⁽²⁾
1			tối thiểu __ năm hoặc tối thiểu __ hợp đồng	
2			tối thiểu __ năm hoặc tối thiểu __ hợp đồng	
...				

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu không có yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì Chủ đầu tư không nhập Bảng này.

(2) Chỉ quy định trong trường hợp pháp luật chuyên ngành có yêu cầu về bằng cấp/chứng chỉ chuyên môn.

b) Thiết bị chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu: (được đánh giá chi tiết tại Mục 3 Chương này): theo YCKT gói thầu này.

Căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu, Chủ đầu tư, Bên mời thầu đưa ra yêu cầu về thiết bị chủ yếu dự kiến huy động và số lượng để thực hiện gói thầu cho phù hợp. Chỉ quy định về thiết bị chủ yếu đối với các thiết bị đặc chủng, đặc thù bắt buộc phải có để triển khai thực hiện gói thầu. Thiết bị chủ yếu có thể của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, bên mời thầu cho phép nhà thầu làm rõ, thay đổi, bổ sung thiết bị để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Đối với mỗi thiết bị không đáp ứng, nhà thầu chỉ được thay thế một lần. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai thiết bị chủ yếu không trung thực thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định.

Yêu cầu về thiết bị chủ yếu được Chủ đầu tư đính kèm file scan theo E-HSMT lên hệ thống. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các thiết bị chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 06D Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị chủ yếu (File scan đính kèm trên Hệ thống)

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1		
2		
3		
...		

c) Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng, bị đánh giá về uy tín khi tham gia các gói thầu khác.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật: theo nội dung phần 4 – Các phụ lục

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Phương pháp giá thấp nhất¹:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Giá dự thầu là:(đã bao gồm thuế GTGT...)

Đối với vật tư, thiết bị nhập khẩu (nếu có): Trường hợp sử dụng hạn ngạch của Vietsovpetro Lô 09-1, giá dự thầu đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) phát sinh tại Việt Nam và được xét miễn thuế nhập khẩu / Thuế tạm nhập tái xuất và VAT chỉ áp dụng cho

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ Khoản 4.2. Phương pháp giá đánh giá và Khoản 4.3. Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá.

giá trị hàng hóa nhập khẩu trên tờ khai hải quan sử dụng Danh mục hàng hóa được miễn thuế dành cho Vietsovpetro Lô 09-1).

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));

Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu:

E-HSDT có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)

Trường hợp cho phép nhà thầu đề xuất phương án kỹ thuật thay thế theo quy định tại Mục 12 E-CDNT, E-HSDT sẽ được đánh giá theo quy định

Mục 6: Quyền đơn phương chấm dứt đàm phán hợp đồng với nhà thầu xếp hạng nhất, trong giai đoạn đàm phán hợp đồng.

Đối với đề xuất hàng hóa, dịch vụ có xuất xứ từ các nước bị ảnh hưởng bởi xung đột vũ trang, trong tình trạng chiến tranh, bị trừng phạt hoặc cấm vận và việc nhập khẩu những hàng hóa, dịch vụ đó có thể bị gián đoạn và ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng và tiến độ giao hàng, nhà thầu được yêu cầu giải trình và cam kết về khả năng giao hàng để Vietsovpetro xem xét, đánh giá.

Căn cứ vào tình hình thực tế tại thời điểm đó, Vietsovpetro sẽ có toàn quyền xem xét và quyết định từ chối các đề xuất của nhà thầu về hàng hóa, dịch vụ đó, hoặc không tiếp tục đánh giá, nếu Vietsovpetro cho rằng việc thực hiện hợp đồng và lịch trình giao hàng có rủi ro. Trong trường hợp đó, Vietsovpetro có toàn quyền quyết định ngừng đàm phán hợp đồng, và mời nhà thầu có thứ hạng tiếp theo liền kề vào đàm phán hợp đồng.



Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

STT	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01 Phạm vi cung cấp	Scan đính kèm lên Hệ thống (Riêng Mẫu số 2 – Đơn dự thầu: webform và scan đính kèm)	X	
2	Mẫu số 02. Đơn dự thầu			X
3	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh			X
4	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu (<i>áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập</i>)	Scan đính kèm lên Hệ thống		X
5	Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu (<i>áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh</i>)			X
6	Mẫu số 04C. Bảo lãnh dự thầu (<i>áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro</i>)			X
7	Mẫu số 05. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện	Scan đính kèm lên Hệ thống		X
8	Mẫu số 06A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt			X
9	Mẫu số 06B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt			X
10	Mẫu số 06C. Bảng kinh nghiệm chuyên môn			X
11	Mẫu số 06D. Bảng kê khai thiết bị chủ yếu			X
12	Mẫu số 07. Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu			X
13	Mẫu số 08. Tình hình tài chính của nhà thầu			X
14	Mẫu số 09A. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ			X
15	Mẫu số 09B. Danh sách công ty con, công ty thành viên đảm nhận phần công việc gói thầu			X
16	Mẫu số 10. Bảng tiến độ thực hiện			X
17	Mẫu số 10A. Bảng tiến độ thực hiện (<i>áp dụng đối với loại hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm</i>)			X
18	Mẫu số 11. Bảng giá dự thầu		X	



PHẠM VI CUNG CẤP

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ ^(*)	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Cập nhật tài nguyên, trữ lượng dầu và khí hòa tan mỏ Cá Tầm, Lô 09-3/12.	Theo YCKT	1	Bộ báo cáo		Theo YCKT
2						
3						
4						

Ghi chú:

(1), (2), (3), (4): **chi tiết phạm vi công việc được nêu trong YCKT**

(*) Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V (nếu có).

Nhà thầu có thể đề xuất chi tiết dịch vụ và breakdown chi phí cho từng mục.

Đại diện nhà thầu
(ký tên, đóng dấu)



ĐƠN DỰ THẦU ⁽¹⁾
(trích xuất từ hệ thống)

(1) Không áp dụng các quy định dưới đây:

“Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Bên mời thầu quy định tại Mục 18.5 E-CDNT; trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, không nộp tiền mặt, Séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư.”



THỎA THUẬN LIÊN DANH

Ngày: _____

Gói thầu: _____

Thuộc dự án/ dự toán mua sắm: _____

Căn cứ⁽¹⁾ _____

Căn cứ⁽¹⁾ _____

Căn cứ E-HSMT Gói thầu: _____ với số E-TBMT: _____

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ n: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____ thuộc dự án/ dự toán mua sắm _____

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [ghi tên của liên danh].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;



- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ thuộc dự án/ dự toán mua sắm ____ đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công ____ làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽²⁾:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả liên danh.

[*-Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu và văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;*

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng cho cả liên danh trong trường hợp liên danh trúng thầu;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Thực hiện tất cả các nghĩa vụ của liên danh không được nêu trong Bảng phân công trách nhiệm giữa các thành viên liên danh ở mục 3 dưới đây;

- Thực hiện các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây⁽³⁾:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu	Giá trị theo tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- Công việc 1: _____ - Công việc 2: _____ - Công việc 3: _____	_____ %	_____ VNĐ
2	Tên thành viên thứ 2	- Công việc 1: _____ - Công việc 2: _____ - Công việc 3 _____	_____ %	_____ VNĐ
....		
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%	_____ VNĐ

3. Phương thức thanh toán cho liên danh trong trường hợp trúng thầu và ký hợp đồng với chủ đầu tư như sau:

- Chủ đầu tư sẽ thanh toán trực tiếp cho từng thành viên liên danh theo tiến độ thanh toán được quy định trong hợp đồng với giá trị được phân chia tương ứng với tỷ lệ khối lượng công

việc đã được các thành viên liên danh thống nhất và nêu trong cột (4) Bảng phân công trách nhiệm ở mục 2 của thỏa thuận liên danh này.

- Từng thành viên của Liên danh sẽ phát hành Hóa đơn hợp pháp đúng với phần giá trị công việc đã được thành viên liên danh đó thực hiện theo tiến độ từng đợt thanh toán được qui định trong hợp đồng.

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Trong trường hợp liên danh trúng thầu, Thỏa thuận liên danh này là một phần không tách rời của hợp đồng ký kết với Chủ đầu tư và chỉ chấm dứt hiệu lực khi các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và thanh lý xong hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu _____ thuộc dự án/ dự toán mua sắm _____ theo thông báo của Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]⁽⁴⁾

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]⁽⁴⁾

Ghi chú:

(1) Nhà thầu cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(2) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.

(3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

(4) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký thỏa thuận liên danh thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng đối với nhà thầu độc lập)

Bên thụ hưởng: ___ [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL hoặc tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1 E-BDL]

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ___ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng ___ [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ___ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ___ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo Thư mời thầu/E-TBMT số ___ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu bằng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, **cam kết⁽⁴⁾ không hủy ngang và vô điều kiện thanh toán** cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] **trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày** nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây, **trong đó nêu rõ mà không cần chứng minh:**

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSĐT, nhà thầu có văn bản rút E-HSĐT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSĐT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Mục 4 E-CDNT hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ Mục 33 E-CDNT.

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 38 E-CDNT;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng, **hoặc Nhà thầu tiến hành thương thảo hợp đồng nhưng rút lại các cam kết trong E-HSĐT dẫn đến việc thương thảo hợp đồng không thành công**, hoặc đã đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng nhưng từ chối ký kết biên bản đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng, kể cả trong trường hợp thương thảo qua mạng; trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ được thanh toán ngay bởi Bên bảo lãnh cho Bên thụ hưởng cho dù có sự tranh cãi hoặc phản đối nào của Bên yêu cầu bảo lãnh hoặc của Bên bảo lãnh hoặc của bất kỳ bên thứ ba nào khác, và bất kể có hay không sự tranh chấp giữa Bên yêu cầu bảo lãnh và Bên thụ hưởng về hoặc liên quan tới Gói thầu hoặc về bất cứ vấn đề khác và cho dù những tranh chấp này, nếu có, đã được giải quyết, dàn xếp, kiện tụng hoặc phân xử bằng bất kỳ hình thức nào.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết, đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong E-HSDT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 E-BDL.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT.

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)

Bên thụ hưởng: ___ [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL hoặc ghi tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1 E-BDL]

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ___ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng ___ [ghi tên nhà thầu]⁽²⁾ (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ___ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ___ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo Thư mời thầu/E-TBMT số ___ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽³⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, **cam kết⁽⁴⁾ không hủy ngang và vô điều kiện thanh toán** cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] **trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày** nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây, **trong đó nêu rõ mà không cần chứng minh:**

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Mục 4 E-CDNT hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ Mục 33 E-CDNT.

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 38 E-CDNT;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng, **hoặc Nhà thầu tiến hành thương thảo hợp đồng nhưng rút lại các cam kết trong E-HSDT dẫn đến việc thương thảo hợp đồng không thành công**, hoặc đã đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng nhưng từ chối ký kết biên bản đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng, kể cả trong trường hợp thương thảo qua mạng; trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

7. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh ___ [ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại E-

CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ được thanh toán ngay bởi Bên bảo lãnh cho Bên thụ hưởng cho dù có sự tranh cãi hoặc phản đối nào của Bên yêu cầu bảo lãnh hoặc của Bên bảo lãnh hoặc của bất kì bên thứ ba nào khác, và bất kể có hay không sự tranh chấp giữa Bên yêu cầu bảo lãnh và Bên thụ hưởng về hoặc liên quan tới Gói thầu hoặc về bất cứ vấn đề khác và cho dù những tranh chấp này, nếu có, đã được giải quyết, dàn xếp, kiện tụng hoặc phân xử bằng bất kỳ hình thức nào.

Trường hợp nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết, đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong E-HSDT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B và C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

(3) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 E-BDL.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT.

(5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là có điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và thư bảo lãnh được coi không hợp lệ.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro)

Ngày: (Ngày ký hồ sơ mời thầu)

Tên gói thầu:..... (Tên gói thầu theo hồ sơ mời thầu)

Tên dự án: (Tên dự án)

Hồ sơ mời thầu số: VT/DV-.....

Kính gửi: _____ (tên đầy đủ và địa chỉ của người đại diện)

Căn cứ vào gói thầu nêu trên, chúng tôi [ghi tên nhà thầu] xin xác nhận như sau:

1. Thay vì nộp Bảo đảm dự thầu do ngân hàng phát hành, [điền tên nhà thầu] thực hiện bảo đảm dự thầu cho [tên gói thầu] bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Vietsovpetro một khoản tiền đặt cọc tương đương với số tiền Bảo đảm dự thầu. được chỉ định trong E-HSMT, là [chỉ định bằng số, bằng chữ và loại tiền gửi]
2. Nhà thầu xác nhận rằng Nhà thầu sẽ tuân thủ tất cả các điều kiện theo quy định tại mẫu Bảo đảm dự thầu của E-HSMT. (Trường hợp Nhà thầu xác nhận không đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo mẫu Bảo đảm dự thầu trong HSMT thì hồ sơ dự thầu của Nhà thầu sẽ không được đánh giá)
3. Sau [điền thời hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu] ngày kể từ ngày đóng thầu....., Vietsovpetro sẽ chuyển số tiền đặt cọc trên vào tài khoản của [điền tên nhà thầu]. [điền tên nhà thầu] sẽ chịu trách nhiệm thanh toán mọi khoản phí ngân hàng liên quan đến việc chuyển nhượng này.

4. Tài khoản ngân hàng của Vietsovpetro:

Tên người thụ hưởng: Liên Doanh Việt – Nga Vietsovpetro

Ngân hàng thụ hưởng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu

Số tài khoản: 008.100.00000.11 (VNĐ)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết, đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong E-HSDT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Nhà thầu đính kèm Ủy nhiệm chi hoặc văn bản chứng minh đã chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro kèm theo thư này.



Mẫu số 05 (Scan đính kèm trên Hệ thống)
HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____ *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu].*

Đối với mỗi hợp đồng tương tự nhà thầu phải kê khai thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>	
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>	
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>	
Giá hợp đồng	<i>[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương _____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	<i>[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]</i>	<i>[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]</i> Tương đương ____ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]</i>	
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>	
Địa chỉ: Điện thoại/fax: E-mail:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]</i> <i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]</i> <i>[ghi địa chỉ e-mail]</i>	
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III⁽²⁾		
1. Loại dịch vụ	<i>[ghi thông tin phù hợp]</i>	
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện	<i>[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>	
3. Quy mô thực hiện	<i>[ghi quy mô theo hợp đồng]</i>	
4. Các đặc tính khác	<i>[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]</i>	

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự khác nhau để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương III để làm cơ sở đánh giá.

Đại diện nhà thầu
(Ký tên, đóng dấu)

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại điểm a Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định.

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1	<i>[Nhà thầu điền đầy đủ thông tin nhân sự chủ chốt, lý lịch, kinh nghiệm chuyên môn của nhân sự trong E-HSDT]</i>	<i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
2		
...		

Đại diện nhà thầu
(Ký tên, đóng dấu)



BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Thông tin nhân sự						Công việc hiện tại					
Stt	Tên	Căn cước công dân/Hộ chiếu	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn	Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại	Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoại/ Fax/ Email
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
...											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bằng, chứng chỉ có liên quan) trong quá trình đối chiếu tài liệu.

Đại diện nhà thầu

(Ký tên, đóng dấu)



BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/Chức vụ/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]
2				
...	...			

Đại diện nhà thầu
(Ký tên, đóng dấu)



BẢNG KÊ KHAI THIẾT BỊ CHỦ YẾU

Nhà thầu phải kê khai những thiết bị chủ yếu theo quy định tại điểm b Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các thiết bị này để tham gia thực hiện gói thầu. Thiết bị chủ yếu có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, bên mời thầu cho phép nhà thầu làm rõ, thay đổi, bổ sung thiết bị để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Đối với mỗi thiết bị không đáp ứng, nhà thầu chỉ được thay thế một lần. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai thiết bị chủ yếu không trung thực thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định.

Loại thiết bị		
Thông tin thiết bị	Tên nhà sản xuất	Đời máy (model)
	Công suất (*)	Năm sản xuất (*)
	Tính năng	Xuất xứ Số đăng ký/đăng kiểm (nếu có)
Hiện trạng	Địa điểm hiện tại của thiết bị	
	Thông tin về tình hình huy động, sử dụng thiết bị hiện tại	
Nguồn	Nêu rõ nguồn thiết bị <input type="checkbox"/> Sở hữu của nhà thầu <input type="checkbox"/> Đi thuê <input type="checkbox"/> Cho thuê <input type="checkbox"/> Chế tạo đặc biệt	

Đối với các thiết bị không thuộc sở hữu của mình thì nhà thầu phải kê khai thêm các thông tin dưới đây:

Chủ sở hữu	Tên chủ sở hữu	
	Địa chỉ chủ sở hữu	
	Số điện thoại	Tên và chức danh
	Số fax	Telex
Thông tin chi tiết về thỏa thuận thuê/cho thuê/chế tạo thiết bị cụ thể cho dự án		

Đại diện nhà thầu

(Ký tên, đóng dấu)

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu theo quy định khoản 2.1 Mục 2 Chương III			
<input type="checkbox"/> Không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm __ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III. <input type="checkbox"/> Có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm __ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.			
Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ. Trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu phát hiện nhà thầu có hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì được coi là có hành vi gian lận và E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

Đại diện nhà thầu
(Ký tên, đóng dấu)



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ____ tháng ____ đến ngày ____ tháng ____ (nhà thầu điền nội dung này)			
Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của E-HSMT (nhà thầu điền nội dung này)			
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)⁽²⁾			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = Tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của E-HSMT/số năm. Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Nhà thầu tự cập nhật thông tin về doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) vào hồ sơ năng lực để tham dự thầu nhưng bảo đảm phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu các thông tin mà nhà thầu kê khai trong quá trình đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như liên kết công ty mẹ - công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

Đại diện nhà thầu
(Ký tên, đóng dấu)



PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ⁽¹⁾

STT	Tên nhà thầu phụ ⁽²⁾	Phạm vi công việc ⁽³⁾	Khối lượng công việc ⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ ⁽⁶⁾
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp E-HSMT có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Nếu nhà thầu trúng thầu thì khi huy động thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSDT.

Đại diện nhà thầu

(Ký tên, đóng dấu)

**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU⁽¹⁾**

STT	Tên công ty con, công ty thành viên ⁽²⁾	Công việc đảm nhận trong gói thầu ⁽³⁾	Giá trị % so với giá dự thầu ⁽⁴⁾
1			
2			
...			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại Mẫu này. Việc đánh giá kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

Đại diện nhà thầu

(Ký tên, đóng dấu)

BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ do nhà thầu đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (7): Nhà thầu lập theo Danh mục dịch vụ do Bên mời thầu cung cấp.
- Cột (8): Nhà thầu điền

Đại diện nhà thầu
(Ký tên, đóng dấu)



Mẫu số 10A (Scan đính kèm trên Hệ thống)

BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN
(áp dụng đối với loại hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm)

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Giá trị công trình xây dựng/hạng mục công trình	Thời gian bảo hiểm	Thời gian bảo hiểm do nhà thầu đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (5): Nhà thầu lập theo Danh mục dịch vụ do Bên mời thầu cung cấp.
- Cột (6): Nhà thầu điền

Đại diện nhà thầu
(Ký tên, đóng dấu)



BẢNG GIÁ DỰ THẦU

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Theo danh mục dịch vụ,					
Tổng cộng:						
<i>Tổng giá dự thầu đã bao gồm thuế (tách riêng phần giá trị trước thuế và thuế VAT)</i>						

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (5): Nhà thầu lập theo Danh mục dịch vụ do Bên mời thầu cung cấp. **Đề nghị nhà thầu chào chi tiết cấu thành giá để thực hiện dịch vụ này.**

- Cột (6): Nhà thầu điền đơn giá cho tất cả các hạng mục công việc. Đơn giá nhà thầu chào bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí, chi phí dự phòng (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

- Cột (7): Nhà thầu tính toán.

Đại diện nhà thầu

(Ký tên, đóng dấu)



Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

(Xem tài liệu đính kèm tại Phần 4. Các phụ lục)



Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Mẫu số 12. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng.

Mẫu số 13. Biểu mẫu hợp đồng.



THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: [ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu, sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”]

Về việc: Thông báo chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng

Liên doanh Việt-Nga Vietsovetro xin thông báo LD Quý Công ty trúng thầu: ... - Gói thầu số ... , với các nội dung chính như sau:

- Phạm vi cung cấp: ...
- Giá giá trị trúng thầu: ...
- Thời gian thực hiện hợp đồng: ...

Để thực hiện các công việc tiếp theo, trong vòng 07 ngày làm việc sau ngày ký hợp đồng, Bên B phải nộp giấy bảo lãnh thực hiện hợp đồng được cấp bởi Ngân hàng có uy tín. Giá trị Bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng ...% tổng giá trị hợp đồng. Giấy bảo lãnh này có hiệu lực bằng thời hạn thực hiện hợp đồng cộng thêm 60 ngày lịch.

Nếu quá thời hạn theo yêu cầu mà Vietsovetro không nhận được Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định thì sẽ được hiểu Quý công ty từ chối hoàn thiện hợp đồng, không đáp ứng yêu cầu của Vietsovetro và sẽ bị loại, đồng thời Quý công ty sẽ không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Trong thời hạn **03** ngày làm việc kể từ ngày công văn này, đề nghị Quý công ty gửi công văn xác nhận về nội dung nêu trên.

Trân trọng!

Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu

[
ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hợp đồng số: _____/26/T-N5-TTL/NIP1-_____

Về việc: “**Cập nhật tài nguyên, trữ lượng dầu và khí hòa tan mỏ Cá Tầm, Lô 09-3/12**” (Đơn hàng số 92-DV-530/26-NIPI)

Căn cứ nhu cầu của Liên doanh Việt-Nga Vietsovetro (Vietsovetro) và khả năng thực hiện dịch vụ của

Hôm nay, ngày tháng năm 2017, các Bên gồm:

BÊN A: **LIÊN DOANH VIỆT-NGA VIETSOVETRO - HỢP ĐỒNG CHIA SẢN PHẨM DẦU KHÍ LÔ 09-3/12**

Địa chỉ: 105 Lê Lợi, Phường Vũng Tàu, TP.HCM

Điện thoại: 0254 3839871

Fax: 0254 3839857

Mã số thuế: 3502208871

Số tài khoản: 008.100.116.7753 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Vũng Tàu.

Do ông: Trần Quốc Thắng - Phó Tổng giám đốc làm đại diện
(Theo giấy ủy quyền số 37/UQ-PL ngày 06.01.2026 của Tổng giám đốc Vietsovetro)

BÊN B:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Tài khoản số:

Mã số thuế:

Do ông: – ... làm đại diện

Sau khi thỏa thuận, hai Bên đồng ý ký kết Hợp đồng thực hiện công việc “**Cập nhật tài nguyên, trữ lượng dầu và khí hòa tan mỏ Cá Tầm, Lô 09-3/12**” (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng”) với những điều khoản và điều kiện như sau:

Điều 1. **Nội dung công việc**

- 1.1 Bên B sẽ thực hiện công việc “**Cập nhật tài nguyên, trữ lượng dầu và khí hòa tan mỏ Cá Tầm, Lô 09-3/12**” (sau đây gọi tắt là “**dịch vụ**”) với khối lượng theo yêu cầu như đã chỉ rõ trong **Phụ lục số 5 – Yêu cầu kỹ thuật và Nhiệm vụ thực hiện** và theo tiến độ thực hiện công việc tại **Phụ lục số 2 – Tiến độ thực hiện** - của Hợp đồng này.
- 1.2 Công việc sẽ được Bên B tiến hành tại trụ sở của mình tại Hà Nội.
- 1.3 Ngày bắt đầu thực hiện dịch vụ là ngày khi Bên B nhận đầy đủ các băng từ, tài liệu của mỏ Cá Tầm, Lô 09-3/12 do Bên A chuyển giao ngay sau khi Hợp đồng này được ký kết và được xác nhận bằng Biên bản bắt đầu thực hiện dịch vụ theo mẫu tại Phụ lục số 6 của Hợp đồng này.
- 1.4 Thời gian thực hiện công việc: Bên B phải hoàn thành toàn bộ công việc trong 06 tháng kể từ ngày hai bên ký biên bản bắt đầu thực hiện công việc cho đến khi hoàn thiện và gửi

báo cáo, chuyển giao các kết quả nghiên cứu cho Bên A (không bao gồm thời gian chờ bảo vệ kết quả và hoàn thiện báo cáo theo yêu cầu của hội đồng khoa học Vietsovpetro).

- 1.5 Ngày bên B hoàn thành toàn bộ công việc là ngày Bên B bảo vệ xong báo cáo trước Hội đồng Khoa học Kỹ thuật của Bên A, được thể hiện tại biên bản xác nhận hoàn thành toàn bộ khối lượng công việc do hai Bên ký. Thời gian hoàn thành công việc nói trên không bao gồm thời gian hiệu chỉnh báo cáo, bổ sung các ý kiến đóng góp theo biên bản hội đồng và thời gian chờ quyết định của Bên A theo hợp đồng. Biên bản hoàn thành công việc phải được lãnh đạo Bên A phê duyệt và là cơ sở để thanh toán theo điều 5 hợp đồng này.
- 1.6 Bên B đảm bảo rằng dịch vụ sẽ được thực hiện một cách cẩn thận, tận tình và mang tính chuyên nghiệp cao và hoàn toàn chịu trách nhiệm về kết quả Cập nhật tài nguyên, trữ lượng dầu và khí hòa tan mỏ Cá Tầm, Lô 09-3/12.
- 1.7 Dịch vụ sẽ được Bên B thực hiện bởi nhân sự, thiết bị và/hoặc nguyên vật liệu của mình như được quy định trong các **Phụ lục số 3 - Thiết bị của Nhà thầu** và **Phụ lục số 4 - Nhân lực của Nhà thầu** của Hợp đồng này. Bên B bảo đảm rằng nhân sự tham gia dự án này có đủ khả năng chuyên môn, trình độ kỹ thuật và kinh nghiệm như nêu ra theo Phụ lục số 4 và mọi thiết bị ở trong tình trạng hoạt động tốt để thực hiện công việc và những yêu cầu khác được nêu trong Hợp đồng này và các Phụ lục kèm theo.
- 1.8 Trong quá trình thực hiện dịch vụ, nếu Bên A nhận thấy và chứng minh nhân sự hoặc thiết bị của Bên B không có khả năng thực hiện dịch vụ, Bên A sẽ thông báo cho Bên B bằng văn bản. Bên B bằng chi phí của mình khắc phục ngay tình trạng này bằng việc thay thế nhân sự hoặc thiết bị khác với sự đồng ý trước của Bên A.
- 1.9 Bên B sẽ thực hiện dịch vụ được nêu tại Phụ lục số 1 của Hợp đồng bằng chi phí của mình. Bên A sẽ thanh toán cho Bên B theo các quy định tại Điều 5 dưới đây.
- 1.10 Trong trường hợp do thay đổi kế hoạch sản xuất dẫn tới việc Bên A không có nhu cầu thực hiện phân cập nhật phần trăm tích, Bên A không phải thanh toán bất cứ chi phí phát sinh nào khác ngoài chi phí cập nhật phần móng theo như phụ lục 1 đính kèm.

Điều 2. Thay đổi nội dung công việc

- 2.1 Bên A có thể thay đổi một phần hoặc bổ sung nội dung công việc bất cứ lúc nào nhưng phải thông báo trước cho Bên B bằng văn bản. Sau khi có thông báo bằng văn bản của Bên A, Bên B sẽ cùng Bên A thảo luận và lập biên bản thay đổi nội dung công việc trước khi tiến hành công việc thay đổi liên quan, đồng thời:
 - 2.1.1 Bên B sẽ tính toán các thay đổi về chi phí và thời gian thực hiện công việc khi nội dung thay đổi;
 - 2.1.2 Hai bên sẽ xem xét những điều khoản của Hợp đồng có thể ảnh hưởng bởi các thay đổi này.
- 2.2 Biên bản như được nêu tại Điều 2.1 về sự thay đổi phải được người có thẩm quyền của hai Bên ký xác nhận và được xem như một phần không thể tách rời của Hợp đồng này.
- 2.3 Bên B chỉ thực hiện công việc thay đổi liên quan sau khi Bên A đã đồng ý và ký xác nhận vào biên bản về thay đổi nội dung công việc.

Điều 3. Đại diện của Bên A và Bên B

- 3.1 Bên A sẽ chỉ định người đại diện giám sát Hợp đồng và có thẩm quyền ra các quyết định cuối cùng trong các công việc liên quan trong quá trình thực hiện Hợp đồng (sau đây gọi tắt là “Đại diện của Bên A”).

- 3.2 Đại diện của Bên A được phép ủy quyền cho người khác thực hiện và đảm nhận trách nhiệm của mình nếu có sự thông báo trước bằng văn bản cho Bên B.
- 3.3 Trong quá trình thực hiện dịch vụ, những hướng dẫn, chỉ thị quan trọng phải được đại diện của Bên A thông báo bằng văn bản.
- 3.4 Bên B cũng chỉ định người đại diện có thẩm quyền của mình và thông báo cho Bên A biết về người đó. Người đại diện của Bên B phải được Bên A chấp nhận trước khi thực hiện công việc. Người đại diện của Bên B sẽ có mặt trong suốt thời gian làm việc và có thẩm quyền thay mặt cho Bên B trong việc xử lý công việc được nêu trong Hợp đồng này.
- 3.5 Bằng chi phí của mình, Bên A sẽ cử nhóm chuyên gia kỹ thuật làm nhiệm vụ giám sát chất lượng (QC) và quá trình thực hiện dịch vụ tại trụ sở của Bên B.
- 3.6 Bằng chi phí của mình, Bên B có trách nhiệm đảm bảo các điều kiện văn phòng cần thiết cho các chuyên gia giám sát của Bên A trong suốt thời gian làm việc tại trụ sở của Bên B.
- 3.7 Nhóm giám sát kỹ thuật của Bên A sẽ làm việc trực tiếp với Bên B để đảm bảo dịch vụ được tiến hành đạt chất lượng và thời gian như yêu cầu của Bên A. Tuy nhiên, sự tham gia của nhóm giám sát của Bên A sẽ không làm giảm nhẹ trách nhiệm của Bên B về toàn bộ nghĩa vụ đã được qui định trong Hợp đồng này.

Điều 4. Số liệu và báo cáo

- 4.1 Bên A có trách nhiệm chuyển giao toàn bộ băng từ, tài liệu của mỏ Cá Tầm, Lô 09-3/12 cho Bên B theo địa chỉ sau:
....
- 4.2 Bên B có trách nhiệm bảo quản an toàn tất cả các tài liệu mà Bên A cung cấp cùng với các tài liệu do bên B mình giải.
- 4.3 Bên B, bằng chi phí của mình, có trách nhiệm giao trả tất cả các tài liệu mà Bên A cung cấp cùng với các tài liệu do Bên B mình giải trong vòng **15 ngày** sau khi kết thúc dịch vụ.
- 4.4 Bên B có trách nhiệm báo cáo hàng tuần, hàng tháng về tiến độ thực hiện công việc cho Bên A. Bên B cũng sẽ gửi các báo cáo liên quan khác theo yêu cầu của Bên A.
- 4.5 Trong vòng 02 tuần sau khi nhận được nhận xét, yêu cầu sửa chữa báo cáo tổng kết của Bên A, Bên B sẽ gửi bộ báo cáo đã hiệu chỉnh cho Bên A **gồm 03 bản tiếng Việt, 03 bản tiếng Anh và 03 bản tiếng Nga (kèm theo đĩa CD)**, và Bên A sẽ tổ chức nghiệm thu. Báo cáo phải được bảo vệ và chấp thuận tại Hội đồng Khoa học Kỹ thuật Bên A.

Điều 5. Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán

- 5.1 Tổng giá trị của Hợp đồng là: **...VND.**
(*Bằng chữ: ...đồng Việt Nam*).
Trong đó:
 - Tổng giá trị công việc theo đơn giá (chưa bao gồm thuế GTGT): **... VND.**
(Được thể hiện theo các đơn giá chi tiết ghi ở **Phụ lục số 01: Số lượng và Đơn giá chi tiết** kèm theo hợp đồng này).
 - Giá trị thuế GTGT (...%): **.... VND.**
(Thuế GTGT được áp dụng theo qui định hiện hành của Nhà nước).

- 5.2 Đơn giá chi tiết được liệt kê tại Phụ lục số 1 – Số lượng và Đơn giá chi tiết và giữ nguyên, không thay đổi trong suốt thời hạn hiệu lực của Hợp đồng này.
- 5.3 Thuế GTGT có thể được điều chỉnh phù hợp với quy định của Luật thuế GTGT tại thời điểm thanh toán.
- 5.4 Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 100% giá trị hợp đồng trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Hồ sơ đề nghị thanh toán bao gồm:
- Văn bản đề nghị thanh toán của bên B – bản gốc.
 - Hoá đơn GTGT của Bên B – bản gốc.
 - Biên bản xác nhận bắt đầu thực hiện công việc theo điều 1.3 – bản gốc
 - Biên bản xác nhận hoàn thành toàn bộ công việc theo điều 1.5– bản gốc
 - Bảo lãnh thực hiện hợp đồng – Bản sao
- 5.5 Hồ sơ thanh toán sẽ được gửi cho Bên A theo địa chỉ sau:

LIÊN DOANH VIỆT-NGA VIETSOVPETRO

Người nhận: Ông Trần Quốc Thắng – Phó Tổng Giám đốc

Địa chỉ: 105 Lê Lợi, Phường Vũng Tàu, TP.HCM

Điện thoại: 84-254-3839871 Fax: 84-254-3839857

Điều 6. Trách nhiệm của Bên A

- 6.1 Cung cấp các tài liệu cần thiết để nhà thầu thực hiện công việc hiệu quả nhất.
- 6.2 Giám sát toàn bộ quá trình thực hiện dự án.
- 6.3 Cử đại diện đến văn phòng Bên B để kiểm tra chất lượng dịch vụ..

Điều 7. Trách nhiệm của Bên B

- 7.1.Đưa ra đầy đủ và rõ ràng các giải pháp kỹ thuật, chu trình thực hiện công việc để thực hiện dự án theo yêu cầu kỹ thuật.
- 7.2.Nêu rõ số lượng và cung cấp đầy đủ lý lịch, kinh nghiệm của chủ nhiệm dự án và các chuyên gia thực hiện dự án này.
- 7.3.Phần cứng, phần mềm phải phù hợp và đáp ứng yêu cầu để thực hiện công việc. Cung cấp chi tiết các phần mềm và phần cứng thực hiện dự án.
- 7.4.Báo cáo tiến độ thực hiện 2 tuần 1 lần, tổ chức họp kỹ thuật trực tiếp/trực tuyến khi Bên A yêu cầu
- 7.5.Cử nhân sự tham gia họp bảo vệ báo cáo tại tổ chuyên viên, Hội đồng trữ lượng của PVN và Bộ Công Thương
- 7.6.Hỗ trợ và phối hợp trong việc cử cán bộ của Bên A đi công tác theo YCKT.

Điều 8. Bảo hiểm

Khi thực hiện Hợp đồng, Bên B phải đảm bảo bằng chi phí của mình sẽ mua và duy trì các loại bảo hiểm liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng và yêu cầu bởi luật pháp Việt Nam.

Điều 9. Quyền sở hữu và bảo mật

- 9.1 Bên B hiểu rằng tất cả các “Thông tin” đã biết và thu được trong quá trình thực hiện Hợp đồng này luôn là tài sản có giá trị lớn của Bên A. Tất cả các “Thông tin” này sẽ không

được tiết lộ cho bất cứ Bên thứ ba nào nếu chưa được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A.

“Thông tin” ở điều này có nghĩa là tất cả các thông tin, tin tức, số liệu, tài liệu, báo cáo, hình vẽ, thiết kế, tài sản trí tuệ, phương pháp, công thức, bí quyết sản xuất, ...vv. dưới bất kỳ một dạng diễn đạt nào liên quan đến Hợp đồng này.

9.2 Bên B đảm bảo sẽ không sử dụng những “Thông tin” này bằng bất cứ cách nào xuất phát từ mục đích tư lợi ngoại trừ được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A.

9.3 Nghĩa vụ bảo mật “Thông tin” không áp dụng trong trường hợp:

9.1 Thông báo công khai là thông tin công cộng.

9.2 Thông tin đó được xuất phát từ Bên thứ ba (ngoại trừ Đại diện của Bên A) mà Bên đó làm việc đó một cách hợp pháp nhưng những thông tin đó không phải xuất phát từ Bên A.

9.3 Yêu cầu phải tiết lộ từ cơ quan hành chính hoặc cơ quan tài phán Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam.

9.4 Điều khoản này sẽ tiếp tục có hiệu lực ngay cả khi Hợp đồng đã kết thúc.

9.5 Bản quyền của các tài liệu, báo cáo, hình vẽ và các thông tin khác chuẩn bị bởi Bên B trong quá trình thực hiện Hợp đồng hoặc là kết quả của việc thực hiện Hợp đồng sẽ là tài sản riêng của Bên A.

9.6 Bên A đảm bảo không cung cấp hoặc không tiết lộ thông tin, kỹ thuật và công nghệ trong hoạt động sản xuất của Bên B cho Bên thứ ba.

Điều 10. Thời hạn Hợp đồng

10.1 Hợp đồng này sẽ có hiệu lực kể từ ngày Bên B mở bảo đảm thực hiện hợp đồng theo điều 13 hợp đồng này cho tới khi các Bên hoàn thành mọi nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng. Thời hạn của Hợp đồng có thể được gia hạn thêm nếu hai Bên đồng ý bằng văn bản.

10.2 Phụ thuộc vào các quy định tại Điều 10.3 dưới đây, không bên nào có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng.

10.3 Tạm ngừng và chấm dứt thực hiện Hợp đồng:

10.3.1 Bên A có thể tạm ngừng các hoạt động của Bên B liên quan tới việc thực hiện Hợp đồng này tại bất cứ thời điểm nào nếu Bên A phát hiện ra Bên B có lỗi gây ảnh hưởng đến chất lượng và thời hạn thực hiện công việc.

10.3.2 Bên A có quyền chấm dứt Hợp đồng này tại bất kỳ thời điểm nào nếu Bên B gây ảnh hưởng đến chất lượng và thời hạn thực hiện công việc và trong trường hợp Bên B có lỗi nhưng không khắc phục các lỗi đó theo yêu cầu của Bên A trong vòng bốn (04) tuần kể từ ngày nhận được yêu cầu bằng văn bản của Bên A.

10.3.3 Trong trường hợp Bên A yêu cầu chấm dứt Hợp đồng, Bên B có quyền đề nghị Bên A thanh toán theo quy định tại Điều 5 và Phụ lục số 1 của Hợp đồng đối với phần công việc đã được Bên B thực hiện và Bên A chấp nhận cho tới thời điểm chấm dứt.

Điều 11. Bồi thường thiệt hại

11.1 Nếu Bên B chậm bắt đầu thực hiện công việc hoặc chậm giao nộp báo cáo và các tài liệu liên quan khác, ...vv. so với thời gian ghi ở Điều 1 của Hợp đồng này thì Bên B sẽ phải trả cho Bên A khoản bồi thường thiệt hại với mức phạt: 1%/tuần trên tổng giá trị hợp đồng trong thời gian 4 tuần chậm đầu tiên, phạt 1,5% /tuần cho những tuần tiếp theo.

- 11.2 Tổng số bồi thường thiệt hại không vượt quá **08%** tổng giá trị Hợp đồng.
- 11.3 Khi tính giá trị bồi thường thiệt hại, nếu ít hơn 4 ngày thì sẽ không tính; nếu từ 4 ngày trở lên thì được tính như một tuần lịch.
- 11.4 Trong trường hợp nếu Bên B:
- Chậm bắt đầu thực hiện công việc hơn 02 (hai) tuần so với ngày ghi ở Điều 1 của hợp đồng này.
 - Chậm hoàn thành thực hiện công việc trên 01 (một) tháng so với thời gian ghi nhận ở Điều 1 của Hợp đồng này.
- Khi đó Bên A có quyền huỷ Hợp đồng và Bên B phải chịu phạt vi phạm với mức 08% tổng giá trị của Hợp đồng. Trong trường hợp này các khoản tiền phạt vi phạm ghi ở Điều 11.1 sẽ không áp dụng.
- 11.5 Tổng số bồi thường thiệt hại sẽ do Bên A khấu trừ trong hoá đơn của Bên B khi thời hạn thanh toán có hiệu lực.
- 11.6 Trường hợp sau đây Bên A không được bồi thường thiệt hại:
- Trong khi thực hiện công việc bất cứ thời gian chậm trễ do chờ Bên A hướng dẫn, quyết định hay phê chuẩn hoặc chờ Bên A cung cấp tài liệu liên quan cần thiết cho công việc.

Điều 12. Điều khoản bất khả kháng

- 12.1. Sự kiện bất khả kháng được áp dụng theo quy định của Pháp luật Việt Nam.
- 12.2. Trong thời gian thực hiện Hợp đồng, nếu sự kiện bất khả kháng xảy ra gây ảnh hưởng tới việc thực hiện nghĩa vụ của các Bên, Bên chịu ảnh hưởng có nghĩa vụ thông báo ngay cho Bên kia biết và tìm cách khắc phục.

Điều 13. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

- 13.1. Trong vòng 07 ngày sau ngày ký hợp đồng này, Bên B phải nộp cho Bên A bản gốc giấy bảo đảm thực hiện hợp đồng được cấp bởi Ngân hàng có uy tín. Giá trị Bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng 3% tổng giá trị hợp đồng. Giấy bảo đảm này có hiệu lực bằng thời hạn hoàn thành công việc quy định tại mục 1.4 hợp đồng này cộng thêm 60 ngày lịch.
- 13.2. Mọi chi phí liên quan đến việc phát hành bảo đảm thực hiện hợp đồng do Bên B chịu.
- 13.3. Bên B không được nhận lại Bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp Bên B từ chối/không thực hiện hợp đồng sau khi ký hợp đồng.
- 13.4. Trong trường hợp Bên B vi phạm trách nhiệm thực hiện hợp đồng theo quy định tại hợp đồng này thì khoản tiền bảo đảm được Bên A dùng để khấu trừ tiền phạt.
- 13.5. Bên B phải ngay lập tức yêu cầu Ngân hàng phát hành giấy bảo đảm thực hiện hợp đồng thực hiện sửa đổi giấy Bảo đảm thực hiện Hợp đồng trong trường hợp cần gia hạn thời gian hiệu lực của Bảo đảm này vì lý do chậm thực hiện công việc, đồng thời gửi ngay cho Bên A giấy Bảo đảm đã gia hạn hiệu lực.

Điều 14. Các điều khoản chung

- 14.1. Những điều không ghi hoặc ghi không đầy đủ trong hợp đồng này, hai bên sẽ tuân thủ theo Pháp luật nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 14.2. Sự độc lập của Bên B:
- Bên B được coi là nhà thầu độc lập của Bên A trong suốt quá trình thực hiện công việc được nêu tại Hợp đồng này.

Bên B, nhân viên, đại lý, người làm công, đại diện và nhà thầu phụ của Bên B sẽ không bị coi là đại lý, người làm công của Bên A. Bên A không được quyền trực tiếp điều hành và quản lý các hoạt động liên quan đến quá trình thực hiện công việc nêu trong Hợp đồng.

Sự có mặt, giám sát, kiểm tra của đại diện của Bên A tại nơi làm việc sẽ không làm mất đi trách nhiệm của Bên B trong việc thực hiện tốt công việc.

14.3. Thay đổi và bổ sung Hợp đồng

Sự thay đổi và bổ sung bất cứ điều khoản hoặc điều kiện của Hợp đồng này sẽ không có hiệu lực nếu hai Bên không đạt được thoả thuận bằng văn bản về những thay đổi và bổ sung đó.

14.4. Sang nhượng Hợp đồng

Không Bên nào được quyền chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng này cho Bên thứ ba khi chưa có sự cho phép và đồng ý bằng văn bản của Bên kia.

14.5. Giải quyết tranh chấp

14.5.1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có điều chỉnh thì hai Bên sẽ cùng bàn bạc, thống nhất trên tinh thần thân thiện, hợp tác, đôi Bên cùng có lợi.

14.5.2. Nếu có tranh chấp phát sinh mà hai bên không tự giải quyết được thì sẽ đưa ra phân xử tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế bên cạnh phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam có trụ sở tại Thành phố Hà Nội. Quyết định của Trọng tài là quyết định cuối cùng để hai Bên thi hành.

Án phí do bên thua chịu.

14.6. Thông báo

Bất kỳ một thông báo, yêu cầu, cho phép thực hiện liên quan đến Hợp đồng này đều phải làm bằng văn bản và ký bởi người có thẩm quyền. Các thông báo có thể gửi bằng fax, bưu điện hoặc chuyển theo đường công văn trực tiếp tới bên kia theo mẫu tại phụ lục 07 hợp đồng này

14.7. Hợp đồng này có bảy (07) phụ lục kèm theo. Các phụ lục này là một phần không tách rời của Hợp đồng này.

14.8. Hợp đồng này được lập thành năm (05) bản gốc bằng tiếng Việt. Bên A giữ ba (03) bản, Bên B giữ hai (02) bản, các bản đều có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

PHỤ LỤC SỐ 1

HỢP ĐỒNG SỐ: ____/26/T-N5-TTL/NIP1-____

SỐ LƯỢNG VÀ ĐƠN GIÁ CHI TIẾT

Cung cấp dịch vụ “Cập nhật tài nguyên, trữ lượng dầu và khí hòa tan mỏ Cá Tầm, Lô 09-3/12” - Đơn hàng số 92-DV-530/26-NIPI

Đơn vị tính: VND

1	2	3	4	5	6
Stt	Mô tả công việc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VND)	Cộng (VND)
1					
...					
Tổng giá dịch vụ trước thuế GTGT					
Thuế GTGT					
TỔNG GIÁ DỊCH VỤ SAU THUẾ GTGT (Bằng chữ.... đồng Việt Nam).					

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B



PHỤ LỤC SỐ 2

HỢP ĐỒNG SỐ: _____/26/T-N5-TTL/NIP1-_____

TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC (TIME SCHEDULE)



PHỤ LỤC SỐ 3

HỢP ĐỒNG SỐ: ____/26/T-N5-TTL/NIP1-____

NĂNG LỰC THIẾT BỊ

PHẦN CỨNG

Số lượng	Tên	Cấu hình

PHẦN MỀM

Stt	Tên gọi	Mô tả	Ghi chú
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
14			
15			
16			
17			
18			



PHỤ LỤC SỐ 4

HỢP ĐỒNG SỐ: _____/26/T-N5-TTL/NIP1-_____

NHÂN LỰC CHỦ CHỐT CỦA NHÀ THẦU

Stt	Họ và tên	Trình độ học vấn	Đơn vị công tác, chức vụ	Kinh nghiệm
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				



PHỤ LỤC SỐ 5

HỢP ĐỒNG SỐ: _____/26/T-N5-TTL/NIP1-_____

Yêu cầu kỹ thuật

“ Cập nhật tài nguyên, trữ lượng dầu và khí hòa tan mỏ Cá Tầm, Lô 09-3/12”

Theo YCKT của gói thầu này



PHỤ LỤC SỐ 6

HỢP ĐỒNG SỐ: _____/26/T-N5-TTL/NIP1-_____

CÁC MẪU BIÊN BẢN

Mẫu 1

PHÊ DUYỆT
Lãnh đạo Vietsovpetro

PHÊ DUYỆT
Lãnh đạo Bên B

_____” _____” 20__.

_____” _____” 20__.

BIÊN BẢN XÁC NHẬN BẮT ĐẦU THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

Hợp đồng số :

Các bên : Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro (Vietsovpetro) và Bên B

Xác nhận như sau:

Ngày Vietsovpetro đã giao đầy đủ các băng từ và các tài liệu của mỏ.....cho và công việc đã được Bên B bắt đầu thực hiện với sự chấp thuận của Đại diện Vietsovpetro.

Ngày lập Biên bản:20....

KÝ TÊN:

Đại diện Vietsovpetro:

Đại diện Bên B:



Mẫu 2

PHÊ DUYỆT
Lãnh đạo Vietsovpetro

PHÊ DUYỆT
Lãnh đạo Bên B

_____” _____” 20__.

_____” _____” 20__.

BIÊN BẢN XÁC NHẬN HOÀN TẤT CÁC GIAI ĐOẠN CÔNG VIỆC

Hợp đồng số :.....

Các bên : Liên doanh Việt- Nga Vietsovpetro (Vietsovpetro) và Bên B

Xác nhận như sau:

Ngày..... đã hoàn thành giai đoạncủa công việc
.....phù hợp với yêu cầu kỹ thuật nêu trong hợp đồng số.....ký
ngày.....giữa Vietsovpetro và Bên B.

Ngày lập Biên bản:20...

KÝ TÊN:

Đại diện Vietsovpetro:

Đại diện Bên B:



Mẫu 3

PHÊ DUYỆT
Lãnh đạo Vietsovpetro

PHÊ DUYỆT
Lãnh đạo Bên B

_____” _____” 20__.

_____” _____” 20__.

BIÊN BẢN XÁC NHẬN
HOÀN THÀNH TOÀN BỘ CÔNG VIỆC

Hợp đồng số :.....

Các bên : Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro (Vietsovpetro) và Bên B

Xác nhận như sau:

Ngày..... đã hoàn thành toàn bộ công việcphù hợp với yêu cầu kỹ thuật nêu trong hợp đồng số.....ký ngày.....giữa Vietsovpetro và Bên B

Số liệu thực hiện cụ thể:

Khối lượng công việc thực hiện:

Tổng giá trị công việc thực hiện:

Tổng giá trị sẽ được Vietsovpetro thanh toán:

Toàn bộ các băng từ, số liệu, báo cáo và các tài liệu có liên quan tới công việc đã được Bên B giao cho Vietsovpetro theo đúng quy định của hợp đồng đã ký.

Ngày lập Biên bản:20...

KÝ TÊN:

Đại diện Vietsovpetro:

Đại diện Bên B:



PHỤ LỤC SỐ 7(a)
MẪU THƯ TÍN GIAO DỊCH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Ngày tháng năm 20..

Kính gửi: Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro/Nhà thầu.
(ghi địa chỉ số Fax của Bên giao dịch)

Người nhận: **Họ và Tên + Chức danh của Lãnh đạo VSP ký hợp đồng**
Sao gửi: **Lãnh đạo Phòng Thương mại VSP**

Email: vspadmin@vietsov.com.vn; lamtt.hq@vietsov.com.vn

(Nội dung giao dịch về: Thay đổi về nhân sự/Dịch vụ, tiến độ, các nội dung liên quan tới giá trị HĐ, thanh toán.....)

ĐẠI DIỆN BÊN
(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 07 (b)
MẪU THƯ TÍN GIAO DỊCH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Ngày tháng năm 20..

Kính gửi: Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro/Nhà thầu.
(ghi địa chỉ số Fax của Bên giao dịch)

Người nhận: Phòng Thương mại VSP/ Viện NCKH&TK.

Email: vspadmin@vietsov.com.vn; lamtt.hq@vietsov.com.vn

(Nội dung giao dịch: Thông báo thực hiện dịch vụ, gửi chứng từ hàng hóa, thông báo bắt đầu thực hiện công việc..., thông tin về nhân sự/thiết bị thực hiện)

ĐẠI DIỆN BÊN
(Ký tên và đóng dấu)



PHẦN 4. CÁC PHỤ LỤC

Chương này bao gồm các tài liệu: Phạm vi cung cấp, Yêu cầu kỹ thuật, Tiêu chí đánh giá kỹ thuật và Các tài liệu kỹ thuật khác + đường dẫn (link) để tham chiếu (nếu có).



“PHÊ DUYỆT-УТВЕРЖДАЮ”
P. TGD phụ trách Địa chất
Зам. ген. директора по геологии
СП «Вьетсовпетро»

Signed by: Nguyễn Lâm Anh
Date: 03/02/2026 14:24:20
Certified by: Vietsovpetro CA

Nguyễn Lâm Anh

YÊU CẦU KỸ THUẬT
ТЕХНИЧЕСКИЕ ТРЕБОВАНИЯ
CẬP NHẬT TÀI NGUYÊN, TRỮ LƯỢNG DẦU VÀ KHÍ HÒA TAN MỎ
CÁ TÂM, LÔ 09-3/12
АКТУАЛИЗАЦИЯ РЕСУРСОВ И ЗАПАСОВ НЕФТИ И
РАСТВОРЕННОГО ГАЗА МЕСТОРОЖДЕНИЯ СА ТАМ, БЛОК 09-3/1

I. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ THỜI HẠN THỰC HIỆN/ ЦЕЛЬ, ЗАДАЧИ И СРОК РЕАЛИЗАЦИИ

1. Mục tiêu/ Цель

- Cập nhật tài nguyên, trữ lượng dầu và khí hòa tan mỏ Cá Tâm, Lô 09-3/12 trên cơ sở kết quả các giếng khoan thăm dò - thăm lượng - khai thác.

Актуализация ресурсов и запасов нефти и растворенного газа месторождения Са Там, Блок 09-3/12 по результатам разведочно-оценочных и добывающих скважин.

2. Nhiệm vụ /Задачи

- Phân tích đặc điểm địa chất, cấu - kiến tạo và hệ thống dầu khí của khu vực nghiên cứu.

Проанализировать геологические, структурно-тектонические и нефтегазоносные свойства исследуемой площади.

- Cập nhật kết quả minh giải cấu trúc địa chất và thành lập bản đồ đẳng thời, đẳng sâu các mặt phản xạ địa chấn trong lát cắt trầm tích Miocen dưới (SH-3B, SH-5), Oligocen trên (SH-7, SH7-Intra, SH-8 và SH-8B, NT_D32, SH8B-Intra, NT_D40, SH-10), Oligocen dưới (SH-11) và Móng (SH-B) và bản đồ đẳng dày giữa các mặt phản xạ. Đồng thời minh giải bổ sung các nội tầng và thành lập các bản đồ cấu trúc nội tầng. *Обновить результаты интерпретации геологических структур и составить карты изохрон и изогипс по сейсмическим отражающим горизонтам в разрезе отложений нижнего миоцена (SH-3B, SH-5); верхнего олигоцена (SH-7, SH7-Intra, SH-8 и SH-8B, NT_D32, SH8B-Intra, NT_D40, SH-10); нижнего олигоцена (SH-11) и*

фундамента (SH-B), а также карты изопахит между отражающими горизонтами. Одновременно выполнить дополнительную интерпретацию внутрипластовых горизонтов и построить структурные карты этих горизонтов.

- Minh giải tài liệu địa vật lý giếng khoan (ĐVLGK).

Интерпретация материалов геофизических исследований скважин (ГИС)

- Phân tích đặc điểm địa tầng, thạch học, môi trường trầm tích của các thân chứa, vỉa chứa dầu khí.

Проанализировать геолого-стратиграфические, литологические и седиментологические характеристики продуктивных пластов и нефтегазонасыщенных горизонтов.

- Xác định và liên kết các thân chứa, vỉa chứa dầu khí trong lát cắt trầm tích Miocen dưới, Oligocen.

Выделить и скоррелировать продуктивные пласты и нефтегазонасыщенные горизонты в разрезе отложений нижнего миоцена, олигоцена.

- Biện luận và xác định ranh giới các thân dầu và phân cấp tài nguyên, trữ lượng dầu khí. Về phân cấp theo diện tích, giá trị bán kính được biện luận bằng các tài liệu địa chất - địa vật lý, giếng khoan, thử vỉa (DST), khai thác (PTA/RTA) hoặc phương pháp tương tự với cơ sở lý thuyết và biện luận rõ ràng.

Обосновать и определить границы нефтегазовых залежей, а также классифицировать ресурсы и запасы нефти и газа. При классификации по площади, значение радиуса обосновывается на основе геолого-геофизических данных, данных ГИС, результатов опробования (DST), эксплуатации скважин (PTA/RTA) или аналогичными методами с четким теоретическим обоснованием и аргументацией.

- Biện luận và xác định các thông số tính toán tài nguyên dầu khí, hệ số thu hồi dầu khí cho từng thân chứa, vỉa chứa dầu khí theo khu vực, toàn mỏ và trữ lượng dầu khí còn lại của chúng.

Обосновать и определить параметры для расчета ресурсов нефти и газа, коэффициенты извлечения нефти и газа для каждого продуктивного пласта и нефтегазонасыщенного горизонта по площади, всему месторождению, а также их остаточные запасы.

- Tính toán tài nguyên, trữ lượng dầu và khí hòa tan cho đối tượng trầm tích theo phương pháp thể tích, mô hình địa chất 3D và cân bằng vật chất.

Рассчитать ресурсы и запасы нефти и растворенного газа для осадочных объектов объемным методом, методами 3D-геологического моделирования и матбаланса.

- So sánh kết quả tính toán tài nguyên, trữ lượng dầu và khí hòa tan với báo cáo phê duyệt gần nhất. Phân tích nguyên nhân thay đổi.

Сравнить результаты расчетов ресурсов и запасов нефти и растворенного газа с последним утвержденным отчетом. Проанализировать причины изменений.

- Đánh giá mức độ tin cậy về kết quả tính toán. Nhận diện những vấn đề tồn tại và đề xuất giải pháp.

Оценить степень достоверности результатов расчета. Определить существующие проблемы и предложить решения.

3. Thời gian thực hiện công việc/ Срок выполнения работ

- Nhà thầu phải hoàn thành toàn bộ công việc trong 06 tháng kể từ ngày hai bên ký biên bản bắt đầu thực hiện công việc cho đến khi hoàn thiện và gửi báo cáo, chuyển giao các kết quả nghiên cứu cho Vietsovpetro (không bao gồm thời gian chờ bảo vệ kết quả và hoàn thiện báo cáo theo yêu cầu của hội đồng khoa học Vietsovpetro).

Подрядчик должен завершить всю работу в течение 06 месяцев с момента подписания обеими сторонами акта о начале выполнения работ до завершения и отправки отчета, передачи результатов исследования СП «Вьетсовпетро» (не включая время ожидания защиты результатов и доработки отчета по требованиям научного совета СП «Вьетсовпетро»).

II. TÀI LIỆU ĐẦU VÀO/ ИСХОДНЫЕ МАТЕРИАЛЫ

1. Tài liệu địa chấn/ Сейсмические данные

- Tài liệu địa chấn 3D PSDM xử lý năm 2018: tài liệu miền thời gian & độ sâu, tài liệu vận tốc. Tài liệu trước cộng (nếu cần thiết).

Сейсмические материалы 3D PSDM, обработанные в 2018 году: данные во временном и глубинном масштабах, данные по скорости. Данные до суммирования (если необходимо).

- Kết quả minh giải cấu trúc gần đây.

Результаты последней интерпретации.

- Tài liệu đo VSP: CT-2X, CT-3X, CT-4X, CT-5X, CT-6X, CT-7X, CT-11X.

Данные ВСП: CT-2X, CT-3X, CT-4X, CT-5X, CT-6X, CT-7X, CT-11X.

2. Tài liệu giếng khoan/ Скважинные данные

- Tài liệu khoan, tài liệu ĐVLGK các giếng khoan: CT-2X, 3X, 4X, 5X, 6X, 7X, 11X, 101, 102, 103, 104, 105, 106, 107, 108.

Материалы по бурению, данные ГИС для скважин: CT-2X, 3X, 4X, 5X, 6X, 7X, 11X, 101, 102, 103, 104, 105, 106, 107, 108.

- Tài liệu khoan, tài liệu ĐVLGK chiến dịch 1 và 2 từ giàn CTC-2: 201, 202, 203, 204, 211, 205, 213, 206, 212XP, 208, 210 và CT-11X.

Материалы по бурению, данные ГИС компаний 1 и 2 с БК CTC-2: 201, 202, 203, 204, 211, 205, 213, 206, 212XP, 208, 210 CT-11X.

- Tài liệu/ kết quả minh giải khảo sát thủy động lực; sản lượng khai thác dầu, khí, nước, nước bơm ép, kết quả phân tích mẫu dầu, nước của các giếng;

Материалы/результаты интерпретации гидродинамических исследований; дебиты добычи нефти, газа, воды, закачки воды, результаты анализа проб нефти, воды из скважин;

3. Các tài liệu khác/ Прочие данные

- Báo cáo phân tích thạch học mẫu lõi, mẫu sừng, minh giải thử vỉa DST, PLT, tài liệu địa chất, báo cáo kết thúc giếng khoan, báo cáo đánh giá tài nguyên, trữ lượng dầu và khí hòa tan mỏ Cá Tầm năm 2021 và các tài liệu Địa chất - Địa vật lý khác.

Отчет по петрографическому анализу образцов керна, бокового керна, интерпретации опробования пластов DST, PLT, геологические материалы, отчеты по результатам бурения скважин, отчеты по подсчету ресурсов и запасов нефти и растворенного газа месторождения Са Там за 2021 год и другие геолого-геофизические материалы.

- Mô hình Địa chất 3D, mô hình thủy động mỏ Cá Tầm.

3D-геологическая модель, гидродинамическая модель месторождения Са Там.

III. YÊU CẦU CÔNG VIỆC/ ТРЕБОВАНИЯ К РАБОТЕ

1. Thu thập và chuẩn hóa số liệu đầu vào/ Сбор и стандартизация исходных данных

- Thu thập, tổng hợp và đánh giá chất lượng tài liệu giếng khoan, ĐVLGK, DST, PLT, địa chấn, thuộc tính địa chấn...

Сбор, обобщение и оценка качества скважинных данных, данных ГИС, DST, PLT, сейсмике, сейсмических атрибутов и т.д.

- Thu thập, tổng hợp và đánh giá các kết quả phân tích cổ sinh địa tầng, địa hóa, thạch học và vật lý đá mẫu lõi, mẫu sừng, mẫu vụn; mẫu chất lưu.

Сбор, обобщение и оценка результатов анализа биостратиграфии, геохимии, петрографии и петрофизики образцов керна, образцов бокового керна, шлама; образцов флюидов.

- Thu thập tài liệu, lịch sử và số liệu khai thác mỏ (sản lượng, áp suất, nhiệt độ...).

Сбор материалов, исторических данных и данных по эксплуатации месторождения (дебиты, давление, температура и т.д.).

- Thu thập, tổng hợp tài liệu về kết quả nghiên cứu thủy động lực của mỏ.

Сбор и обобщение материалов по результатам гидродинамических исследований месторождения.

2. Đặc điểm địa chất/ Геологические особенности

- Phân tích đặc điểm địa chất, cấu - kiến tạo khu vực, môi trường trầm tích, hệ thống dầu khí nhằm lựa chọn mô hình địa chất phù hợp cho mỏ Cá Tầm. Kết quả sẽ được mô tả trong Chương Địa chất khu vực, địa chất mỏ (Chương 4) theo quy định Thông tư 13/2024/TT-VCT và được sử dụng để làm luận cứ cho việc tương quan giếng, phân cấp và tính toán tài nguyên, trữ lượng.

Проанализировать геологические, структурно-тектонические особенности района, условия осадконакопления, нефтегазоносную систему с целью выбора подходящей геологической модели месторождения Са Там. Результаты должны быть описаны в Главе «Региональная геология, геология месторождения» (Глава 4) в соответствии с Положением Циркуляра 13/2024/TT-VCT и использованы в качестве обоснования для корреляции скважин, классификации и подсчета ресурсов и запасов.

3. Liên kết địa tầng khu vực và liên kết vỉa chứa/ Региональная стратиграфическая корреляция и корреляция продуктивных пластов

- Liên kết các địa tầng chính của mỏ Cá Tầm và khu vực lân cận.

Скоррелировать основные стратиграфические горизонты месторождения Са Там и прилегающего района.

- Liên kết chi tiết các thân chứa, vỉa chứa dầu khí trên cơ sở đặc trưng đường cong DVLGK, liên kết địa tầng khu vực, môi trường trầm tích và kết quả khai thác.

Детально скоррелировать нефтегазонасыщенные пласты и продуктивные горизонты на основе характеристик кривых ГИС, региональной стратиграфической корреляции, среды осадконакопления и результатов эксплуатации.

4. Minh giải cấu trúc địa chất/ Интерпретация геологических структур

- Đánh giá phương pháp, kết quả xử lý tài liệu địa chấn: vận tốc, tần số, biên độ, độ liên tục, ghép nối tài liệu, QC footprints và tài liệu trước cộng.

Оценка методов, результатов обработки сейсмических данных: скорость, частота, амплитуда, когерентность, сшивка данных, QC footprints (контроль качества) и данные до суммирования.

- Đánh giá chất lượng kết quả minh giải tài liệu địa chấn trước đây: well-tie, minh giải mặt phản xạ địa chấn, minh giải đứt gãy, hệ thống đứt gãy, mô hình vận tốc và các bản đồ cấu trúc.

Оценка качества результатов предыдущей интерпретации сейсмических данных: увязка скважин, интерпретация сейсмических отражающих горизонтов,

интерпретация разломов, системы разломов, скоростная модель и структурные карты.

- Xây dựng băng địa chấn tổng hợp và liên kết tài liệu địa chấn – giếng khoan (phân tích tài liệu checkshot và trở kháng âm học, xây dựng băng địa chấn tổng hợp, liên kết địa tầng giếng khoan – mặt phản xạ địa chấn, trích xuất wavelet và đánh giá độ ổn định, phase rotation).

Создание синтетической сейсмограммы и увязка сейсмических данных со скважинными данными (анализ данных checkshot и акустического импеданса, создание синтетической сейсмограммы, увязка скважинной стратиграфии с сейсмическими отражающими горизонтами, извлечение вейвлета и оценка стабильности, phase rotation).

- Cập nhật, chính xác hóa kết quả minh giải các mặt phản xạ trước đây: SH-3B, SH-5, SH-7, SH7-Intra, SH-8 và SH-8B, NT_D32, SH8B-Intra, NT_D40, SH-10, SH-11 và SH-B

Обновление и уточнение результатов предыдущей интерпретации отражающих горизонтов: SH-3B, SH-5, SH-7, SH7-Intra, SH-8 и SH-8B, NT_D32, SH8B-Intra, NT_D40, SH-10, SH-11 и SH-B

- Minh giải bổ sung các mặt phản xạ nội tầng và thành lập bản đồ cấu trúc

Дополнительная интерпретация внутрипластовых отражающих горизонтов и создание структурных карт

- Cập nhật, chính xác hóa hệ thống đứt gãy.

Обновление и уточнение системы разломов.

- Xây dựng mô hình vận tốc nhằm chuyển đổi kết quả minh giải từ miền thời gian sang miền độ sâu. Biện luận cơ sở lựa chọn phương pháp và đánh giá sai số và rủi ro.

Создание скоростной модели для преобразования результатов интерпретации из временного масштаба в глубинный. Обоснование выбора метода и оценка погрешностей и рисков.

- Xây dựng bản đồ đẳng sâu và đẳng thời các mặt phản xạ địa chấn SH- 3B, SH-5, SH-7, SH7-Intra, SH-8 và SH-8B, NT_D32, SH8B-Intra, NT_D40, SH-10, SH-11 và SH-B và bản đồ cấu trúc nội tầng theo kết quả minh giải bổ sung.

Создание карт изогипс и изохрон сейсмических отражающих горизонтов SH-3B, SH-5, SH-7, SH7-Intra, SH-8 и SH-8B, NT_D32, SH8B-Intra, NT_D40, SH-10, SH-11 и SH-B и внутрипластовых структурных карт по результатам дополнительной интерпретации.

- Thành lập bản đồ đẳng dày giữa các mặt phản xạ địa chấn.

Создание карт изопакит между сейсмическими отражающими горизонтами.

- Nhận diện các vấn đề tồn tại về: kết quả minh giải tài liệu địa chấn (mặt phản xạ, đứt gãy), xây dựng mô hình vận tốc.

Выявление существующих проблем, касающихся: результатов интерпретации сейсмических данных (отражающих горизонтов, разломов), построения скоростной модели.

5. Phân tích thuộc tính địa chấn/ Анализ сейсмических атрибутов

- Tổng hợp, đánh giá kết quả phân tích thuộc tính trước đây. So sánh với kết quả các giếng khoan trong khu vực.

Обобщить и оценить результаты предыдущего анализа атрибутов. Сравнить их с результатами по скважинам в районе.

- Phân tích đặc trưng trường sóng địa chấn (tần số, biên độ, pha và độ liên tục) cho từng tập vỉa tại các giếng khoan.

Проанализировать характеристики сейсмического волнового поля (частота, амплитуда, фаза и когерентность) для каждого пласта в скважинах.

- Phân tích thuộc tính địa chấn nhằm dự báo phân bố thân chứa/vỉa chứa phù hợp với chất lượng tài liệu địa chấn và điều kiện môi trường trầm tích.

Проанализировать сейсмические атрибуты с целью прогнозирования распространения продуктивных пластов/горизонтов в соответствии с качеством сейсмических данных и условиями среды осадконакопления.

6. Minh giải tài liệu ĐVLGK/ Интерпретация материалов ГИС

- Đánh giá chất lượng và đồng bộ hóa toàn bộ tài liệu ĐVLGK mỏ Cá Tầm.

Оценка качества и гармонизация всех данных ГИС месторождения Са Там.

- Xử lý và chuẩn bị bộ tài liệu ĐVLGK để minh giải định lượng (xử lý các lỗi do đo ghi, dự báo đoạn/đường cong bị thiếu, hiệu chỉnh với tài liệu mẫu lõi).

Обработка и подготовка комплекса материалов ГИС для количественной интерпретации (исправление ошибок регистрации, прогнозирование недостающих интервалов/кривых, корректировка по данным образцов керна).

- Chính xác hóa mô hình đá chứa và biện luận phương pháp minh giải tài liệu ĐVLGK cho đối tượng trầm tích.

Уточнение модели коллектора и обоснование метода интерпретации материалов ГИС для объектов осадочного комплекса.

- Minh giải tài liệu ĐVLGK cho lát cắt trầm tích. So sánh, đánh giá kết quả với kết quả minh giải báo cáo trước (giếng khoan cũ), cũng như các tài liệu DST, PLT và mẫu lõi.

Интерпретация материалов ГИС для осадочного разреза. Оценка результатов и сравнение с результатами интерпретации из предыдущего отчета (старых скважин), а также с материалами DST, PLT и образцами керна.

- Nhận diện các vấn đề tồn tại về thông số đầu vào, mô hình và kết quả minh giải tài liệu ĐVLGK.

Выявление существующих проблем, касающихся входных параметров, модели и результатов интерпретации материалов ГИС.

7. Công nghệ mỏ/ Технология разработки месторождений

- Tổng hợp các kết quả phân tích tính chất lý - hóa và thành phần nước vỉa; tính chất, ranh giới và động thái của nước vỉa; thành phần và tính chất của dầu và khí hòa tan ở điều kiện chuẩn và điều kiện vỉa; nhiệt độ và áp suất vỉa.

Обобщить результаты анализа физико-химических свойств и состава пластовой воды; свойств, границ и динамики пластовой воды; состава и свойств нефти и растворенного газа в стандартных и пластовых условиях; пластовой температуры и давления.

- Tổng hợp kết quả thử vỉa (DST) và thử vỉa qua cáp (MDT/RCI) của các giếng khoan.

Обобщить результаты опробования пластов (DST) и опробования пластов на кабеле (MDT/RCI) в скважинах.

- Xác định OWC, phân cấp tài nguyên, xác định ngưỡng cắt (cut-off) và cung cấp thông số đầu vào (Bo, GOR) cho tính toán tài nguyên, trữ lượng.

Определить ВНК, классифицировать ресурсы, определить пороговые значения (cut-off) и предоставить входные параметры (Bo, GOR) для подсчета ресурсов и запасов.

- Tổng hợp, phân tích động thái khai thác và bơm ép các khu vực đang khai thác.

Обобщить и проанализировать динамику добычи и закачки в эксплуатируемых районах.

8. Phân cấp và tính toán tài nguyên, trữ lượng theo phương pháp thể tích/ Классификация и подсчет ресурсов, запасов и извлекаемых запасов объемным методом

- Xây dựng bản đồ nóc các tập vỉa theo mô hình cấu trúc, xây dựng mặt cắt địa chất-địa vật lý.

Построение структурных карт кровли пластов по структурной модели, построение геолого-геофизических разрезов.

- Biện luận, xây dựng sơ đồ phân cấp và xác định ranh giới dưới thân dầu cho tất cả các thân chứa/vỉa chứa dầu khí.

Обоснование, построение схемы классификации и определение нижней границы нефтяной залежи для всех нефтегазоносных пластов/горизонтов.

- Xây dựng bình đồ tài nguyên dầu khí và bản đồ chiều dày hiệu dụng cho tất cả các tầng thân chứa/vỉa chứa dầu khí.

Построение подсчетных планов и карт эффективных толщин для всех нефтегазонасыщенных горизонтов/пластов.

- Biện luận và xác định các thông số tính toán tài nguyên dầu khí.

Обоснование и определение параметров для подсчета ресурсов и запасов нефти и газа.

- Tính toán tài nguyên, trữ lượng dầu và khí hòa tan theo phương pháp thể tích cho đối tượng trầm tích, áp dụng cả hai phương pháp xác định (Deterministic) và xác suất (Probabilistic).

Подсчет ресурсов, запасов и извлекаемых запасов нефти и растворенного газа объемным методом для осадочных отложений, с применением как детерминистского (Deterministic), так и вероятностного (Probabilistic) методов.

- So sánh kết quả tính toán tài nguyên, trữ lượng dầu và khí hòa tan với báo cáo phê duyệt gần nhất. Phân tích nguyên nhân thay đổi.

Сравнение результатов подсчета ресурсов, запасов и извлекаемых запасов нефти и растворенного газа с последним утвержденным отчетом. Анализ причин изменений.

- Biện luận hệ số thu hồi dầu khí và tính toán trữ lượng dầu khí.

Обоснование коэффициента извлечения нефти и газа и подсчета извлекаемых запасов нефти и газа.

9. Tính toán tài nguyên dầu khí theo phương pháp Mô hình mô phỏng địa chất 3D/ Подсчет ресурсов нефти и газа на основе 3D-геологического моделирования

- Cập nhật mô hình địa chất 3D: mô hình cấu trúc theo tài liệu minh giải địa chấn mới; mô hình tương, mô hình độ rỗng, độ thấm, độ bão hòa nước;

Обновление 3D-геологической модели: структурная модель по новым данным сейсмической интерпретации; модель фаций, модель пористости, проницаемости, водонасыщенности;

- Tính toán tài nguyên dầu khí theo phương pháp mô hình địa chất 3D.

Подсчет ресурсов нефти и газа на основе 3D-геологической модели.

- Nhận diện các vấn đề tồn tại về thông số: mô hình vận tốc, cut-off V_{clay} , cut-off độ rỗng, cut-off bão hòa và các thông số tầng/vía chứa khác.

Выявление существующих проблем в параметрах: скоростной модели, граничных значений V_{clay} , пористости, насыщенности и других параметров пласта/горизонта.

10. **Tính toán tài nguyên, trữ lượng dầu khí theo phương pháp cân bằng vật chất/ Подсчет ресурсов и запасов нефти и газа методом материального баланса.**
11. **Đề xuất công tác thăm dò, thăm lượng, khai thác và nghiên cứu tiếp theo/ Предложения по дальнейшим геологоразведочным работам, оценке, разработке и исследованиям.**
12. **Thành lập báo cáo/ Составление отчета**

- Nội dung báo cáo (gồm Thuyết minh báo cáo; Phụ lục các bảng biểu, bản vẽ và số liệu) phải được thành lập và trình bày theo thông tư số 13/2024/TT-BCT “Quy định về phân cấp và lập báo cáo tài nguyên, trữ lượng dầu khí” được Bộ Công Thương ban hành ngày 08/08/2024.

Содержание отчета (включая Пояснительную записку к отчету; Приложение с таблицами, графическими материалами и данными) должно быть подготовлено и оформлено в соответствии с Циркуляром № 13/2024/TT-BCT «Положение о классификации и составлении отчетов по ресурсам и запасам нефти и газа», изданным Минпромторгом 08.08.2024.

- Tham gia hội thảo kỹ thuật/bảo vệ kỹ thuật với PVN/Bộ Công Thương để thống nhất và phê duyệt kết quả đánh giá tài nguyên và trữ lượng.

Участие в технических семинарах/технической защите с КНГ «ПетроВьетнам»/Минпромторгом для согласования и утверждения результатов оценки ресурсов и запасов.

- Hoàn thiện báo cáo trên cơ sở kết luận của tổ chuyên viên, Hội đồng trữ lượng PVN và Bộ Công Thương.

Доработка отчета на основе заключений экспертной группы, Комиссии по запасам КНГ «ПетроВьетнам» и Минпромторга.

IV. KẾT QUẢ CHUYỂN GIAO/ ПЕРЕДАВАЕМЫЕ РЕЗУЛЬТАТЫ

1. Báo cáo/ Отчет

Báo cáo hoàn thiện phần lời và phụ lục (hình vẽ, bảng biểu, bản vẽ ...) gồm 07 bản, trong đó 03 bản tiếng Việt, 03 bản tiếng Nga, 01 bản tiếng Anh và lưu trữ vào ổ cứng HDD ở các định dạng tương thích với hệ thống/phần mềm như IP, Petrel, Mbal, MS Office. Các tập tin lưu trữ phải đầy đủ các phần sau: phần lời báo cáo, bảng biểu, phụ lục đính kèm.

Полный отчет, включая текстовую часть и приложения (рисунки, таблицы, чертежи и т.д.), в 07 экземплярах: 03 экземпляра на вьетнамском языке, 03 экземпляра на русском языке, 01 экземпляр на английском языке, а также сохраненный на жестком диске в форматах, совместимых с системами/программным обеспечением, такими как IP, Petrel, Mbal, MS Office.

Сохраненные файлы должны содержать все следующие разделы: текстовую часть отчета, таблицы, приложения.

Phụ lục đính kèm bao gồm/ Приложения включают:

- Các bản đồ cấu trúc (đăng sâu, đăng thời) các tầng phản xạ tỷ lệ 1:25000 và bình đồ tài nguyên dầu khí của các tầng/via chứa tỷ lệ 1:25000 (định dạng Corel và PDF);

Структурные карты (изогипсы, изохроны) отражающих горизонтов в масштабе 1:25000 и подсчетные планы запасов нефти и газа пластов/горизонтов в масштабе 1:25000 (форматы Corel и PDF);

- Tuyến liên kết giếng khoan, liên kết thân chứa, via chứa dầu khí qua các giếng khoan, tỷ lệ đứng 1:1000; mặt cắt địa chất-địa vật lý qua các thân chứa, via chứa dầu khí, mặt cắt địa chấn dọc, ngang mở, tỷ lệ đứng (tham khảo) 1:2500, tỷ lệ ngang 1:12500 (định dạng Corel và PDF);

Схемы корреляции скважин, корреляция нефтегазонасыщенных пластов, горизонтов по скважинам, вертикальный масштаб 1:1000; геолого-геофизические разрезы по нефтегазонасыщенным пластам, горизонтam, продольные и поперечные сейсмические разрезы по месторождению, вертикальный масштаб (справочно) 1:2500, горизонтальный масштаб 1:12500 (форматы Corel и PDF);

- Bảng minh giải ĐVLGK tổng hợp (kết quả minh giải + mudlog + core...), tỷ lệ 1:500 (định dạng PDF hoặc PNG);

Планишеты комплексной интерпретации данных ГИС (результаты интерпретации + mudlog + керн и т.д.), масштаб 1:500 (форматы PDF или PNG);

- Các bảng tính và biểu đồ liên quan đến báo cáo (định dạng file excel): Bảng tổng hợp số liệu, bảng chiều sâu thế nằm các thân chứa, via chứa dầu khí, bảng thử via, PLT chi tiết, bảng kết quả minh giải ĐVLGK, bảng tính tài nguyên, trữ lượng, ...

Таблицы расчетов и диаграммы, относящиеся к отчету (в формате excel): сводные таблицы данных, таблицы глубин залегания нефтегазонасыщенных пластов, горизонтов, таблицы опробования пластов, детальные данные PLT, таблицы результатов интерпретации ГИС, таблицы подсчета ресурсов, запасов и т.д.

2. Project/ Проект

- Project IP: toàn bộ kết quả xử lý và minh giải ĐVLGK (bao gồm las output);

Проект IP: полные результаты обработки и интерпретации ГИС (включая выходные файлы .las);

- Project Petrel: toàn bộ kết quả minh giải tài liệu địa chấn, thuộc tính địa chấn, mô hình địa chất 3D.

Проект Petrel: полные результаты интерпретации сейсмических данных, сейсмических атрибутов, 3D-геологической модели.

- Project Mbal: mô hình cân bằng vật chất. Toàn bộ kết quả tính toán theo phương pháp cân bằng vật chất.

Проект Mbal: модель материального баланса. Полные результаты расчетов методом материального баланса.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN/ ОТВЕТСТВЕННОСТЬ СТОРОН

1. Trách nhiệm của LDVN Vietsovpetro/ Ответственность СП «Вьетсовпетро»

- Cung cấp các tài liệu cần thiết để nhà thầu thực hiện công việc hiệu quả nhất.

Предоставить подрядчику необходимые материалы для наиболее эффективного выполнения работ.

- Giám sát toàn bộ quá trình thực hiện dự án.

Осуществлять надзор за всем ходом выполнения проекта.

- Cử đại diện đến văn phòng nhà thầu để kiểm tra chất lượng dịch vụ.

Направлять своего представителя в офис подрядчика для проверки качества выполнения работ.

2. Trách nhiệm của nhà thầu/ Ответственность подрядчика

- Đưa ra đầy đủ và rõ ràng các giải pháp kỹ thuật, chu trình thực hiện công việc để thực hiện dự án theo yêu cầu kỹ thuật quy định tại **Mục III** nêu trên.

Предоставить полные и четкие технические решения, а также график выполнения работ для реализации проекта в соответствии с техническими требованиями, указанными выше в разделе III.

- Nêu rõ số lượng và cung cấp đầy đủ lý lịch, kinh nghiệm của chủ nhiệm dự án và các chuyên gia thực hiện dự án này.

Четко указать количество и предоставить полные резюме и опыт руководителя проекта и специалистов, выполняющих данный проект.

- Cung cấp chi tiết về kinh nghiệm của nhà thầu trong việc thực hiện dự án trong giai đoạn từ năm 2015 đến 2026.

Предоставить детальную информацию об опыте подрядчика в реализации проектов в период с 2015 по 2026 год.

- Phần cứng, phần mềm phải phù hợp và đáp ứng yêu cầu để thực hiện công việc. Cung cấp chi tiết các phần mềm và phần cứng thực hiện dự án.

Аппаратное и программное обеспечение должно быть подходящим и соответствовать требованиям для выполнения работ. Предоставить подробную информацию о программном и аппаратном обеспечении, используемом при выполнении проекта.

- Cung cấp chi tiết thời gian và kế hoạch thực hiện dự án.

Предоставить подробные сроки и план реализации проекта.

- Báo cáo tiến độ thực hiện 2 tuần 1 lần, tổ chức họp kỹ thuật trực tiếp/trực tuyến khi Vietsovpetro yêu cầu.

Предоставлять отчет о ходе выполнения работ раз в 2 недели, проводить очные/онлайн технические совещания по запросу СП «Вьетсовпетро».

- Cử nhân sự tham gia họp bảo vệ báo cáo tại tổ chuyên viên, Hội đồng trữ lượng của PVN và Bộ Công Thương.

Направить персонал для участия в защите отчета на совещаниях экспертной группы, Комиссии по запасам КНГ «ПетроВьетнам» и Минпромторга.

VI. CỬ CÁN BỘ KỸ THUẬT CỦA LDVN VIETSOVPETRO ĐI CÔNG TÁC/ КОМАНДИРОВАНИЕ ТЕХНИЧЕСКИХ СПЕЦИАЛИСТОВ СП «ВЬЕТСОВПЕТРО»

- Mục đích công tác: Triển khai, giám sát chất lượng thực hiện dịch vụ và thảo luận các vấn đề kỹ thuật để nâng cao chất lượng của báo cáo.

Цель командировок: Реализация, контроль качества выполнения услуг и обсуждение технических вопросов для повышения качества отчета.

- Kế hoạch công tác: 05 lần.

План: 05 командировок.

- Thời gian: 3-5 ngày/ 01 lần.

Продолжительность: 3-5 дней/на одну поездку.

- Số lượng cán bộ đi công tác: 4-5 người /01 lần.

Количество командировуемых специалистов: 4-5 человек/на одну поездку.

- Chi phí cử cán bộ kỹ thuật đi công tác sẽ được Lô 09-3/12 chi trả theo quy chế nhân viên của LDVN Vietsovpetro.

Расходы на командирование технических специалистов будут оплачены Блоком 09-3/12 в соответствии с положением о персонале СП «Вьетсовпетро».

VII. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ DỊCH VỤ/ МЕТОДИКА ОЦЕНКИ РЕЗУЛЬТАТОВ УСЛУГ

LDVN Vietsovpetro tiến hành đánh giá kết quả nghiên cứu theo thứ tự các bước chính như sau:

СП «Вьетсовпетро» осуществляет оценку результатов исследований в следующем порядке, состоящем из основных этапов:

- Các ý kiến và yêu cầu hiệu chỉnh cho từng nội dung trong nhiệm vụ kỹ thuật tại cuộc họp giám sát chất lượng (QC) đưa ra cần được nhà thầu xem xét, hiệu chỉnh và được

sự đồng ý của tổ chuyên gia giám sát kỹ thuật của LDVN Vietsovpetro trong suốt quá trình thực hiện dịch vụ.

Замечания и требования по корректировке каждого пункта технического задания, сделанные на совещаниях по контролю качества (QC), должны быть рассмотрены и скорректированы подрядчиком и согласованы с группой технических экспертов СП «Вьетсовпетро» на протяжении всего выполнения услуг.

- Gửi báo cáo kết quả nghiên cứu cho Phòng/ Ban chuyên môn liên quan để lấy nhận xét. Trên cơ sở đó, yêu cầu nhà thầu chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo và gửi lại cho các Phòng/ Ban chuyên môn xem xét, đồng ý trước khi tổ chức bảo vệ tại Tiểu ban Địa chất, phát triển và khai thác các mỏ dầu và khí của Hội đồng Khoa học Công nghệ LDVN Vietsovpetro.

Отчет по результатам исследований направляется в соответствующие профильные отделы/службы для получения замечаний. На основании этого подрядчику необходимо внести исправления, доработать отчет и направить его обратно в профильные отделы/службы для рассмотрения и согласования, прежде чем представить его к защите в Подкомитете по геологии, разработке и эксплуатации нефтегазовых месторождений Научно-технического совета СП «Вьетсовпетро».

- Nhà thầu trình bày và bảo vệ báo cáo tại Tiểu ban Địa chất, phát triển và khai thác các mỏ dầu và khí của Hội đồng Khoa học Công nghệ LDVN Vietsovpetro. Báo cáo cần được chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện theo các ý kiến nhận xét, góp ý của các thành viên Tiểu ban Địa chất, phát triển và khai thác các mỏ dầu và khí của Hội đồng Khoa học Công nghệ LDVN Vietsovpetro.

Подрядчик представляет и защищает отчет в Подкомитете по геологии, разработке и эксплуатации нефтегазовых месторождений Научно-технического совета СП «Вьетсовпетро». Отчет должен быть скорректирован, дополнен и доработан в соответствии с замечаниями и предложениями членов Подкомитета по геологии, разработке и эксплуатации нефтегазовых месторождений Научно-технического совета СП «Вьетсовпетро».

- Nhà thầu hoàn thiện báo cáo sau bảo vệ và gửi lại LDVN Vietsovpetro xem xét, chấp thuận, phê duyệt và nghiệm thu dịch vụ.

После защиты подрядчик дорабатывает отчет и направляет его в СП «Вьетсовпетро» для рассмотрения, принятия, утверждения и приемки услуг.

**Viện phó Địa chất, Viện NCKH&TK
Zam.đirectora НИПИ по геологии**

Signed by: Vũ Văn Khương
Date: 30/01/2026 13:33:53
Certified by: Vietsovpetro CA

Wũ Văn Khương

Thỏa thuận/ Согласовано

Trưởng phòng ĐC-KTM BMDH <i>Начальник ОГурМ</i>	Signed by: Hồ Nam Chung Date: 02/02/2026 09:15:16 Certified by: Vietsovpetro CA	Hồ Nam Chung
CV phòng ĐC-KTM BMDH <i>Главный специалист ОГурМ</i>	Signed by: Phạm Việt Âu Date: 31/01/2026 13:18:27 Certified by: Vietsovpetro CA	Phạm Việt Âu
Trưởng nhóm ĐC-ĐVL các Lô ngoài <i>Начальник ГТГ по другим блокам</i>	Signed by: NGUYỄN TRỌNG BIÊN Date: 29/01/2026 13:26:20 Certified by: Vietsovpetro CA	Nguyễn Trọng Biên
Trưởng phòng ĐCM, Viện NCKH-TK <i>Начальник ОПГ, НИПИ</i>	Signed by: Bùi Nữ Diễm Loan Date: 29/01/2026 10:31:17 Certified by: Vietsovpetro CA	Bùi Nữ Diễm Loan
Trưởng phòng TKKT, Viện NCKH-TK <i>Начальник ОРНУГМ, НИПИ</i>	Signed by: Nguyễn Quỳnh Huy Date: 29/01/2026 19:00:14 Certified by: Vietsovpetro CA	Nguyễn Quỳnh Huy
Phó phòng ĐCTD, Viện NCKH-TK <i>Зам.начальника ОРГ, НИПИ</i>	Signed by: Vũ Nam Hải Date: 29/01/2026 14:55:24 Certified by: Vietsovpetro CA	Vũ Nam Hải
Kỹ sư phòng TKKT, Viện NCKH&TK <i>Ин.специалист ОРНУГМ, НИПИ</i>	Signed by: Bùi Doãn Cảnh Date: 28/01/2026 09:52:21 Certified by: Vietsovpetro CA	Bùi Doãn Cảnh
CV Địa vật lý Lô 09-3/12, Viện NCKH&TK <i>Гл.спец. по геофизике Блока 09-3/12, НИПИ</i>	Signed by: Nguyễn Minh Tuấn Date: 28/01/2026 08:44:56 Certified by: Vietsovpetro CA	Nguyễn Minh Tuấn
CV Địa vật lý Lô 09-3/12, Viện NCKH&TK <i>Гл.спец. по геофизике Блока 09-3/12, НИПИ</i>	Signed by: Магдалюк Даниил Борисович Date: 28/01/2026 10:30:00 Certified by: Vietsovpetro CA	Магдалюк Д. Б.
CV Địa chất Lô 09-3/12, Viện NCKH-TK <i>Гл.спец. по геологии Блока 09-3/12, НИПИ</i>	Signed by: Đoàn Trường Anh Date: 28/01/2026 09:49:05 Certified by: Vietsovpetro CA	Đoàn Trường Anh

“PHÊ DUYỆT-УТВЕРЖДАЮ”
 P. TGD phụ trách Địa chất
 Зам. ген. директора по геологии
 СП «Вьетсовпетро»
 Signed by: Nguyễn Lâm Anh
 Date: 03/02/2026 14:24:20
 Certified by: Vietsovpetro CA

Nguyễn Lâm Anh

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KỸ THUẬT CHO DỊCH VỤ
КРИТЕРИИ ТЕХНИЧЕСКОЙ ОЦЕНКИ УСЛУГ
“CẬP NHẬT TÀI NGUYÊN, TRỮ LƯỢNG DẦU VÀ KHÍ HÒA TAN MỎ CÁ TẦM, LÔ 09-3/12”
"Актуализация ресурсов и запасов нефти и растворенного газа месторождения Са Там, Блок 09-3/12"

Mục đánh giá Пункты оценки			TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ КРИТЕРИИ ОЦЕНКИ	Mức điểm Уровень оценки			Nhà thầu Подрядчики		Ghi chú Примечание
Mục 1	Mục 2	Mục 3		1	2	3	A	B	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1			NHÂN SỰ ПЕРСОНАЛ	25					
	1.1		Trưởng nhóm (01 người) Руководитель группы (1 чел.)		5				Cung cấp chi tiết nội dung công việc cho từng dự án Предоставление детального содержания работ для каждого проекта
		1.1.1	Kinh nghiệm trong lĩnh vực Địa chất - Địa vật lý: từ 15 năm Kinh nghiệm làm trưởng nhóm/dự án liên quan tới đề tài tính toán/cập nhật tài nguyên trữ lượng mỏ dầu khí: từ 05 dự án <i>Опыт работы в области геологии и геофизики: не менее 15 лет. Опыт работы руководителем групп/проектов, связанных с подсчетом/актуализацией запасов и ресурсов нефти и газа: не менее 05 проектов.</i>			5			
		1.1.2	Kinh nghiệm trong lĩnh vực Địa chất - Địa vật lý: từ 10 năm Kinh nghiệm làm trưởng nhóm/dự án liên quan tới đề tài tính toán/cập nhật tài nguyên trữ lượng mỏ dầu khí: từ 03 dự án <i>Опыт работы в области геологии и геофизики: не менее 10 лет. Опыт работы руководителем групп/проектов, связанных с подсчетом/актуализацией запасов и ресурсов нефти и газа: не менее 03 проектов.</i>			3			
		1.1.3	Kinh nghiệm trong lĩnh vực Địa chất - Địa vật lý: dưới 10 năm Kinh nghiệm làm trưởng nhóm/dự án liên quan tới đề tài tính toán/cập nhật tài nguyên trữ lượng mỏ dầu khí: dưới 03 dự án <i>Опыт работы в области геологии и геофизики: менее 10 лет. Опыт работы руководителем групп/проектов, связанных с подсчетом/актуализацией запасов и ресурсов нефти и газа: менее 03 проектов.</i>			0			
	1.2		Chuyên gia Địa chấn (02 người) Специалист по Геофизике (2 чел.)		4				

	1.2.1	Kinh nghiệm trong lĩnh vực Minh giải tài liệu địa chấn: từ 15 năm Kinh nghiệm tham gia các dự án liên quan tới Minh giải tài liệu địa chấn: từ 05 dự án <i>Опыт работы в области сейсмической интерпретации: не менее 15 лет</i> <i>Опыт работы в проектах, связанных с интерпретацией сейсмических данных: не менее 05 проектов</i>			4			Cung cấp chi tiết nội dung công việc cho từng dự án <i>Предоставление детального содержания работ для каждого проекта</i>
	1.2.2	Kinh nghiệm trong lĩnh vực Minh giải tài liệu địa chấn: từ 10 năm Kinh nghiệm tham gia các dự án liên quan tới Minh giải tài liệu địa chấn: từ 03 dự án <i>Опыт работы в области сейсмической интерпретации: не менее 10 лет</i> <i>Опыт работы в проектах, связанных с интерпретацией сейсмических данных: не менее 03 проектов</i>			2			
	1.2.3	Kinh nghiệm trong lĩnh vực Minh giải tài liệu địa chấn: dưới 10 năm Kinh nghiệm tham gia các dự án liên quan tới Minh giải tài liệu địa chấn: dưới 03 dự án <i>Опыт работы в области сейсмической интерпретации: менее 10 лет</i> <i>Опыт работы в проектах, связанных с интерпретацией сейсмических данных: менее 03 проектов</i>			0			
	1.3	Chuyên gia Địa vật lý giếng khoan (02 người) Специалист по ГИС (2 чел.)			4			Cung cấp chi tiết nội dung công việc cho từng dự án <i>Предоставление детального содержания работ для каждого проекта</i>
	1.3.1	Kinh nghiệm trong lĩnh vực Địa vật lý giếng khoan: từ 15 năm Kinh nghiệm tham gia các dự án liên quan tới Địa vật lý giếng khoan: từ 05 dự án <i>Опыт работы в области ГИС: не менее 15 лет</i> <i>Опыт работы в проектах, связанных с ГИС: не менее 05 проектов</i>			4			
	1.3.2	Kinh nghiệm trong lĩnh vực Địa vật lý giếng khoan: từ 10 năm Kinh nghiệm tham gia các dự án liên quan tới Địa vật lý giếng khoan: từ 03 dự án <i>Опыт работы в области ГИС: не менее 10 лет</i> <i>Опыт работы в проектах, связанных с ГИС: не менее 03 проектов</i>			2			
	1.3.3	Kinh nghiệm trong lĩnh vực Địa vật lý giếng khoan: dưới 10 năm Kinh nghiệm tham gia các dự án liên quan tới Địa vật lý giếng khoan: dưới 03 dự án <i>Опыт работы в области ГИС: менее 10 лет</i> <i>Опыт работы в проектах, связанных с ГИС: менее 03 проектов</i>			0			
	1.4	Chuyên gia Địa Chất (01 người) Специалист по геологии (1 чел.)			4			Cung cấp chi tiết nội dung công việc cho từng dự án <i>Предоставление детального содержания работ для каждого проекта</i>
	1.4.1	Kinh nghiệm trong lĩnh vực Địa chất: từ 15 năm Kinh nghiệm tham gia các dự án liên quan tới Địa chất: từ 05 dự án <i>Опыт работы в области геологии: не менее 15 лет</i> <i>Опыт работы в проектах, связанных с геологией: не менее 05 проектов</i>			4			
	1.4.2	Kinh nghiệm trong lĩnh vực Địa chất: từ 10 năm Kinh nghiệm tham gia các dự án liên quan tới Địa chất: từ 03 dự án <i>Опыт работы в области геологии: не менее 10 лет</i> <i>Опыт работы в проектах, связанных с геологией: не менее 03 проектов</i>			2			
	1.4.3	Kinh nghiệm trong lĩnh vực Địa chất: dưới 10 năm Kinh nghiệm tham gia các dự án liên quan tới Địa chất: dưới 03 dự án <i>Опыт работы в области геологии: менее 10 лет</i> <i>Опыт работы в проектах, связанных с геологией: менее 03 проектов</i>			0			
	1.5	Chuyên gia Mô hình địa Chất (01 người) Специалист по геологическому моделированию (1 чел.)			4			



	1.5.1	Kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng mô hình địa chất 3D: từ 15 năm Kinh nghiệm tham gia các dự án liên quan tới xây dựng mô hình địa chất 3D: từ 05 dự án <i>Опыт в области построения 3D геологических моделей: от 15 лет.</i> <i>Опыт участия в проектах, связанных с построением 3D геологических моделей: от 5 проектов.</i>			4			Cung cấp chi tiết nội dung công việc cho từng dự án <i>Предоставление детального содержания работ для каждого проекта</i>
	1.5.2	Kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng mô hình địa chất 3D: từ 10 năm Kinh nghiệm tham gia các dự án liên quan tới xây dựng mô hình địa chất 3D: từ 03 dự án <i>Опыт в области геологии: от 10 лет.</i> <i>Опыт участия в проектах, связанных с построением 3D геологических моделей: от 3 проектов.</i>			2			
	1.5.3	Kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng mô hình địa chất 3D: dưới 10 năm Kinh nghiệm tham gia các dự án liên quan tới Kinh nghiệm tham gia các dự án liên quan tới xây dựng mô hình địa chất 3D: dưới 03 dự án <i>Опыт в области построения 3D геологических моделей: менее 10 лет.</i> <i>Опыт участия в проектах, связанных с построением 3D геологических моделей: менее 3 проектов.</i>			0			
	1.6	Chuyên gia mô hình khai thác (01 người) Специалист по гидродинамическому моделированию (1 чел.)			4			Cung cấp chi tiết nội dung công việc cho từng dự án <i>Предоставление детального содержания работ для каждого проекта</i>
	1.6.1	Kinh nghiệm trong lĩnh vực mô hình khai thác: từ 15 năm Kinh nghiệm tham gia các dự án liên quan tới mô hình khai thác: từ 05 dự án <i>Опыт в области гидродинамического моделирования: от 15 лет.</i> <i>Опыт участия в проектах, связанных с гидродинамическим моделированием: от 5 проектов.</i>			4			
	1.6.2	Kinh nghiệm trong lĩnh vực mô hình khai thác: từ 10 năm Kinh nghiệm tham gia các dự án liên quan tới mô hình khai thác: từ 03 dự án <i>Опыт в области гидродинамического моделирования: от 10 лет.</i> <i>Опыт участия в проектах, связанных с гидродинамическим моделированием: от 3 проектов.</i>			2			
	1.6.3	Kinh nghiệm trong lĩnh vực mô hình khai thác: dưới 10 năm Kinh nghiệm tham gia các dự án liên quan tới mô hình khai thác: dưới 03 dự án <i>Опыт в области гидродинамического моделирования: менее 10 лет.</i> <i>Опыт участия в проектах, связанных с гидродинамическим моделированием: менее 3 проектов.</i>			0			
2		KINH NGHIỆM NHÀ THẦU: trong giai đoạn từ 2015 đến 2026 ОПЫТ ПОДРЯДЧИКА: в период с 2015 до 2026	30					
	2.1	Kinh nghiệm của Nhà thầu thực hiện các dự án tính toán/cập nhật tài nguyên trữ lượng mỏ dầu khí Опыт Подрядчика в реализации проектов по подсчету/актуализации запасов и ресурсов нефти и газа			15			Cung cấp từng dự án
	2.1.1	Hoàn thành từ 05 dự án. <i>Завершено 5 или более проектов.</i>			15			
	2.1.2	Hoàn thành từ 02 dự án. <i>Завершено 2 или более проектов.</i>			8			
	2.1.3	Hoàn thành dưới 02 dự án. <i>Завершено менее 2-х проектов.</i>			0			

2.2		Kinh nghiệm của Nhà thầu thực hiện các dự án tính toán/cập nhật tài nguyên trữ lượng mỏ dầu khí trong bồn trũng Cửu Long <i>Опыт Подрядчика в реализации проектов по подсчету/актуализации запасов и ресурсов нефти и газа в бассейне Кыу Лонг</i>	10				Предоставление всех проектов	
	2.2.1	Hoàn thành từ 02 dự án. <i>Завершено 2 или более проектов.</i>			10			
	2.2.2	Hoàn thành 01 dự án. <i>Завершен 1 проект.</i>			5			
	2.2.3	Không có dự án nào. <i>Нет проектов.</i>			0			
2.3		Kinh nghiệm của Nhà thầu thực hiện các dự án tính toán tài nguyên trữ lượng mỏ dầu khí theo Thông tư 13/2024/TT-VCT “Quy định về phân cấp và lập báo cáo tài nguyên, trữ lượng dầu khí” được Bộ Công Thương ban hành ngày 08/08/2024 <i>Опыт Подрядчика в выполнении проектов по подсчету запасов нефтегазовых месторождений в соответствии с Циркуляром № 13/2024/TT-VCT «Положение о классификации и составлении отчетов о ресурсах и запасах нефти и газа», изданным Минпромторгом 08.08.2024.</i>	5				Cung cấp từng dự án Предоставление всех проектов	
	2.3.1	Hoàn thành từ 01 dự án. <i>Завершено 1 или более проектов.</i>			5			
	2.3.2	Không có dự án nào. <i>Нет проектов.</i>			0			
3		THỜI GIAN VÀ KẾ HOẠCH CÔNG VIỆC <i>СРОК И ПЛАН РАБОТЫ</i>	15					
3.1		Kế hoạch <i>План</i>	5				Cung cấp chi tiết kế hoạch thực hiện công việc Предоставление подробного плана выполнения работ	
	3.1.1	Chi tiết và rõ ràng <i>Детальный и понятный</i>			5			
	3.1.2	Không chi tiết hoặc còn vài điểm chưa rõ ràng <i>Без детализации или какие-то моменты не ясны</i>			0			
3.2		Thời gian hoàn thành công việc <i>Срок завершения работ</i>	10					
	3.2.1	Hoàn thành công việc trong 06 tháng. <i>Завершение работ за 06 месяцев.</i>			10			
	3.2.2	Không hoàn thành công việc trong 06 tháng. <i>Незавершение работ в течение 06 месяцев.</i>			0			
4		KHỐI LƯỢNG VÀ CHU TRÌNH THỰC HIỆN CÔNG VIỆC <i>ОБЪЕМ И ПРОГРАММА ВЫПОЛНЕНИЯ РАБОТ</i>	20					
4.1		Khối lượng công việc <i>Объем работ</i>	15				Cung cấp chi tiết chu trình thực hiện công việc Предоставление сведений о программе выполнения работ	
	4.1.1	Đáp ứng đầy đủ theo Yêu Cầu Kỹ Thuật. <i>Соответствует техническим требованиям.</i>			15			
	4.1.2	Không đáp ứng. <i>Не соответствует.</i>			0			
4.2		Chu trình thực hiện công việc <i>Программа выполнения работ</i>	5					
	4.2.1	Chi tiết và rõ ràng theo Yêu Cầu Kỹ Thuật <i>Подробно и понятно в соответствии с Техническими требованиями</i>			5			

	4.2.2	Không chi tiết hoặc còn vài điểm chưa rõ ràng <i>Без детализации или какие-то моменты не ясны</i>			0		
5		BẢN QUYỀN PHẦN MỀM VÀ PHẦN CỨNG ЛИЦЕНЗИОННОЕ ПРОГРАММНОЕ ОБЕСПЕЧЕНИЕ И ОБОРУДОВАНИЕ	10				
	5.1	Phần mềm phục vụ Minh giải tài liệu địa chấn 3D, xây dựng mô hình địa chất, mô hình thủy động <i>Программное обеспечение для интерпретации сейсмических данных 3D</i>		2			
	5.1.1	Có phần mềm phục vụ Minh giải tài liệu địa chấn 3D <i>Есть ПО для интерпретации сейсмических данных 3D</i>			2		
	5.1.2	Không có phần mềm phục vụ Minh giải tài liệu địa chấn 3D <i>Нет ПО для интерпретации сейсмических данных 3D</i>			0		
	5.2	Phần mềm minh giải Địa Vật Lý Giếng Khoan <i>Программное обеспечение для интерпретации ГИС</i>		2			
	5.2.1	Có phần mềm minh giải Địa Vật Lý Giếng Khoan <i>Есть ПО для интерпретации ГИС</i>			2		
	5.2.2	Không có phần mềm minh giải Địa Vật Lý Giếng Khoan <i>Есть ПО для интерпретации ГИС</i>			0		
	5.3	Phần mềm phục vụ liên kết tài liệu giếng khoan, tính toán tài nguyên, trữ lượng dầu và khí <i>ПО для объединения скважинных данных, подсчета ресурсов и запасов нефти и газа</i>		2			
	5.3.1	Có phần mềm phục vụ liên kết tài liệu giếng khoan, tính toán tài nguyên, trữ lượng dầu và khí <i>Есть ПО для объединения скважинных данных, подсчета ресурсов и запасов нефти и газа</i>			2		
	5.3.2	Không có phần mềm phục vụ liên kết tài liệu giếng khoan, tính toán tài nguyên, trữ lượng dầu và khí <i>Нет ПО для объединения скважинных данных, подсчета ресурсов и запасов нефти и газа</i>			0		
	5.4	Phần mềm chuyên dụng cho xây dựng bản đồ <i>Специализированное ПО для построения карт</i>		2			
	5.4.1	Có phần mềm chuyên dụng cho xây dựng bản đồ <i>Есть специализированное ПО для построения карт</i>			2		
	5.4.2	Không có phần mềm chuyên dụng cho xây dựng bản đồ <i>Нет специализированного ПО для построения карт</i>			0		
	5.5	Phần cứng Аппаратное обеспечение		2			
	5.5.1	Ít nhất 06 máy tính trạm workstations <i>Не менее 06 рабочих станций</i>			2		
	5.5.2	Dưới 06 máy tính trạm workstations <i>Менее 06 рабочих станций</i>			0		
		Tổng (1 - 5) Сумма (1-5)	100				

Cung cấp chi tiết thông tin về phần mềm: công cụ và ứng dụng. Phải cung cấp đầy đủ thông tin về bản quyền phần mềm

Предоставление подробной информации о программном обеспечении: инструменты и приложения. Необходимо предоставить полную информацию об авторских правах на программное обеспечение

Cung cấp chi tiết phần cứng
Предоставление деталей аппаратного обеспечения

Điều kiện để vượt qua tiêu chí đánh giá:

Условия прохождения критериев оценки:

Ghi chú #1: Điểm tối thiểu để đạt yêu cầu kỹ thuật của Vietsovpetro: 85 điểm.

Примечание №1: Минимальный балл для соответствия техническим требованиям СП «Вьетсовпетро»: 85 баллов.

Ghi chú #2: Mục nào bị đánh giá là "0" điểm đều bị đánh giá không đạt yêu cầu kỹ thuật, ngoại trừ mục 2.2 và 2.3

Примечание №2: Любой пункт, получивший оценку «0» баллов, считается не соответствующим техническим требованиям,

за исключением пункта 2.2., 2.3

Văn bản này được xác thực tại <https://office.vietsov.com.vn> với số định danh: 6926-DHNDPT-N5PTM/BMDH



Viện phó Địa chất, Viện NCKH&TK
Зам.директора НИПИ по геологии

Signed by: Vũ Văn Khương
Date: 30/01/2026 13:33:54
Certified by: Vietsovpetro CA

Vũ Văn Khương

Thỏa thuận/ Согласовано

Trưởng phòng Địa chất – Khai thác BMDH
Начальник ОГРМ

Signed by: Hồ Nam Chung
Date: 02/02/2026 09:15:16
Certified by: Vietsovpetro CA

Hồ Nam Chung

Chuyên viên phòng Địa chất – Khai thác BMDH
Главный специалист ОГРМ

Signed by: Phạm Việt Âu
Date: 31/01/2026 13:18:27
Certified by: Vietsovpetro CA

Phạm Việt Âu

Trưởng nhóm ĐC-ĐVL các Lô ngoài
Начальник Геолого-геофизической группы по внешним Блокам

Signed by: NGUYỄN TRỌNG
BIỂN
Date: 29/01/2026 13:26:20
Certified by: Vietsovpetro CA

Nguyễn Trọng Biển

Trưởng phòng Địa chất mỏ, Viện NCKH-TK
Начальник ОПГ

Signed by: Bùi Nữ Diễm Loan
Date: 29/01/2026 10:31:17
Certified by: Vietsovpetro CA

Bùi Nữ Diễm Loan

Trưởng phòng TKKT, Viện NCKH-TK
Начальник ОПГ

Signed by: Nguyễn Quỳnh Huy
Date: 29/01/2026 19:00:14
Certified by: Vietsovpetro CA

Nguyễn Quỳnh Huy

Phó phòng ĐCTD, Viện NCKH-TK
Начальник ОПГ

Signed by: Vũ Nam Hải
Date: 29/01/2026 14:55:24
Certified by: Vietsovpetro CA

Vũ Nam Hải

Kỹ sư phòng TKKT, Viện NCKH&TK
Ин.специалист ОРНиГМ, НИПИ

Signed by: Bùi Doãn Cảnh
Date: 28/01/2026 09:52:21
Certified by: Vietsovpetro CA

Bùi Doãn Cảnh

Chuyên viên Địa vật lý Lô 09-3/12, Viện NCKH&TK
Главный специалист группы Блока 09-3/12 НИПИморнефтегаз

Signed by: Nguyễn Minh Tuấn
Date: 28/01/2026 08:25:58
Certified by: Vietsovpetro CA

Nguyễn Minh Tuấn

Chuyên viên Địa vật lý Lô 09-3/12, Viện NCKH&TK
Главный специалист группы Блока 09-3/12 НИПИморнефтегаз

Signed by: Магдалюк Даниил
Борисович
Date: 28/01/2026 10:30:00
Certified by: Vietsovpetro CA
Signed by: Đoàn Trường Anh
Date: 28/01/2026 09:59:05
Certified by: Vietsovpetro CA

Магдалюк Даниил Борисович

Chuyên viên Địa chất Lô 09-3/12, Viện NCKH-TK
Инженер группы Блока 09-3/12 НИПИморнефтегаз

Đoàn Trường Anh





DANH MỤC- СПЕЦИФИКАЦИЯ

Tên hàng hóa/Dịch vụ - На приобретение товаров/услуг: Cập nhật tài nguyên, trữ lượng dầu và khí hòa tan mỏ Cá Tầm, Lô 09-3/12/ Актуализация ресурсов и запасов нефти и растворенного газа месторождения Са Там, Блок 09-3/12
Số ĐHXN - № заявки: 92.NCKH-0012/26-DV

STT П/п	Mã Vật Tư Код МТР	Tên VTTB/dịch vụ (Việt/Nga hoặc Anh) Наименование МТР/услуг (вьетнам./русс. или англ.)	Đặc Tính Kỹ Thuật Технические характеристики	ĐVT Ед. Изм.	Số Lượng Кол-во	Ghi Chú Примечание
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
II. DỊCH VỤ						
1	998.003.00001	Cập nhật tài nguyên, trữ lượng dầu và khí hòa tan mỏ Cá Tầm, Lô 09-3/12 Актуализация ресурсов и запасов нефти и растворенного газа месторождения Са Там, Блок 09-3/12		Bộ báo cáo	1,00	

(*) : New items

Signed by: Đào Nguyên Hưng
Date: 31/01/2026 13:00:47
Certified by: Vietsovpetro CA

Đào Nguyên Hưng

Viện trưởng Viện NCKH&TK/ Директор НИПИморнефтегаз

Thỏa thuận/ Согласовано:

Viện phó thứ nhất
Signed by: Иванов Алексей Николаевич
Date: 30/01/2026 17:06:51
Certified by: Vietsovpetro CA
A.H. Иванов

Viện phó Địa chất
Signed by: Vũ Văn Khương
Date: 30/01/2026 13:33:53
Certified by: Vietsovpetro CA
Vũ Văn Khương

Viện phó Kinh tế
Signed by: Nguyễn Trần Thanh
Date: 30/01/2026 11:21:31
Certified by: Vietsovpetro CA
Nguyễn Trần Thanh

Ký tắt/Viza:

Nhóm ĐC-ĐVL các Lô ngoài
Signed by: NGUYỄN TRỌNG BIÊN
Date: 29/01/2026 13:26:20
Certified by: Vietsovpetro CA
Nguyễn Trọng Biên

Phòng KT-KH-ĐBVTKT
Signed by: Суровцев Иван Иванович
Date: 29/01/2026 11:00:18
Certified by: Vietsovpetro CA
Суровцев Иван Иванович

Signed by: Nguyễn Trọng Hoàn
Date: 28/01/2026 16:28:22
Certified by: Vietsovpetro CA
Nguyễn Trọng Hoàn

Người thực hiện /Исполнитель:

Kỹ sư phòng KT-KH-ĐBVTKT
Signed by: Trần Thị Trung
Tuyền
Date: 28/01/2026 13:44:11 Trần Thị Trung Tuyền
Certified by: Vietsovetro CA